

NGUYỄN KẾ HÀO

MODULE TH

1

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ
TÂM LÝ HỌC DẠY HỌC
Ở TIỂU HỌC**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

- Để có thể dạy tốt ở tiểu học thì giáo viên cần hiểu được học sinh của mình, không phải là hiểu chung chung mà cần hiểu kĩ về đặc điểm của mỗi em như những chủ thể độc nhất vô nhị.
- Luật Giáo dục của Nhà nước ta quy định: "Giáo dục tiểu học nhằm giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kĩ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học trung học cơ sở" (Mục 2 Điều 27).
- Học sinh là chủ thể của hoạt động học, là nhân vật trung tâm, là mục tiêu giáo dục, nhưng sự thành bại của học sinh tiểu học lại tùy thuộc vào hoạt động dạy của giáo viên, người giữ vai trò có tính quyết định sự thành bại của giáo dục.
- Module này đề cập đến đặc điểm tâm lí của học sinh tiểu học, những đặc điểm cơ bản về dạy và học ở tiểu học, những yêu cầu đối với nội dung và phương pháp dạy học ở tiểu học, đồng thời nêu một số giải pháp su phạm nhằm nâng cao khả năng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên.



B. MỤC TIÊU

Sau khi kết thúc đợt tập huấn theo module học viên có thể lĩnh hội, tăng thêm khả năng của mình về nhận thức, kĩ năng và thái độ:

- Hiểu, nắm vững được những nét đặc trưng về tâm lí của trẻ em lứa tuổi học sinh tiểu học; biết rõ được đặc điểm của hoạt động học của học sinh và hoạt động dạy của giáo viên. Đồng thời biết rõ được mối quan hệ biện chứng giữa hoạt động dạy, hoạt động học và sự phát triển tâm lí của học sinh.
- Hình thành kĩ năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, kĩ năng tìm hiểu (nghiên cứu) về học sinh, kĩ năng chuẩn bị và thực hiện hoạt động dạy học theo phương pháp su phạm phù hợp với đối tượng học sinh.
- Nâng cao trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp, yêu nghề, yêu quý tôn trọng trẻ em ("Yêu nghề mến trẻ").



C. NỘI DUNG

Hiểu tâm lí trẻ em ở lứa tuổi học sinh tiểu học và hiểu được chính bản thân mình, giáo viên tiểu học sẽ có điều kiện để thành công trong nhiệm vụ dạy học, giáo dục. Hiểu trẻ em không chỉ biết đặc điểm tâm sinh lí của các em, hoàn cảnh sinh sống của các em ra sao mà còn cần hiểu được trẻ em đối với gia đình và xã hội: "Trẻ em hôm nay thế giới ngày mai" như Bác Hồ nói:

Trẻ em như búp trên cành

Biết ăn ngủ biết học hành là ngoan

Ngay sau khi khai sinh ra Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Bác Hồ đã gửi thư cho học sinh cả nước, trong đó Bác nói với thế hệ trẻ của Nhà nước Việt Nam mới về một triết lí giáo dục:

Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có được vẻ vang bước tới đài vinh quang sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em.

Nhiệm vụ giáo dục thế hệ trẻ – sự nghiệp trồng người đòi hỏi ở mỗi giáo viên phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp – Nhân cách nhà giáo. Giáo viên, trong quá trình hành nghề cần học tập tu dưỡng suốt đời để giữ gìn và hoàn thiện nhân cách, để luôn là người cùng thời với học sinh của mình.

Các hoạt động trong module này sẽ được cụ thể hoá và điều hướng tiếp cận mục tiêu nêu trên.

Hoạt động 1

KHỞI ĐỘNG (NHẬP MÔN)

I. MỤC TIÊU

- Làm quen, tạo tâm thế, định hướng và xác định nhiệm vụ thực hiện kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên (đề xuất nhu cầu và nhiệm vụ của cá nhân về hoạt động bồi dưỡng module).

- Thống nhất trong nhóm về tổ chức và kế hoạch học tập, phương pháp học tập.

II. PHƯƠNG PHÁP

- Làm việc cá nhân để nhìn nhận lại kết quả của hoạt động bồi dưỡng thường xuyên của giai đoạn trước (những giáo viên mới có thể tìm hiểu qua nội dung và kế hoạch bồi dưỡng còn lưu lại).
- Trao đổi, thảo luận, rút ra bài học và định hướng cho việc thực hiện nội dung chương trình theo kế hoạch bồi dưỡng của Bộ.

III. NỘI DUNG CHÍNH

- Xác định vai trò của hoạt động bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch chung và kế hoạch cá nhân trong việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên.
- Xem qua nội dung của module qua các hoạt động, từ đó phác thảo kế hoạch bồi dưỡng.
- Thảo luận trong nhóm thống nhất về mục tiêu, nội dung chính và phương pháp bồi dưỡng, nghiên cứu.
- Sưu tầm tài liệu có liên quan.
- Xem xét, nhìn nhận lại việc thực hiện kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên giai đoạn trước để rút kinh nghiệm, đề xuất biện pháp thực hiện.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Việc đánh giá kết quả do cá nhân tự đánh giá là chính, hướng vào việc giải đáp các vấn đề sau:

1. Nhận thức của cá nhân về vai trò, vị trí của giáo viên tiểu học, của cấp tiểu học trong hệ thống giáo dục phổ thông.
2. Xác định trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện kế hoạch bồi dưỡng theo sự hướng dẫn của Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục.

Hoạt động 2

TÌM HIỂU BƯỚC CHUYỂN (BƯỚC PHÁT TRIỂN) CỦA TRẺ EM TỪ HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI SANG HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

Từ lứa tuổi mẫu giáo lớn đến tuổi học sinh tiểu học, đặc biệt là năm đầu tiên vào lớp 1, ở trẻ em có sự chuyển biến đặc biệt về tâm sinh lí. Tổ chức bước chuyển cho trẻ em ở thời điểm này cần có sự hiểu biết tường tận về trẻ em, hiểu biết về sự chuyển từ hoạt động vui chơi (hoạt động chủ đạo) đến hoạt động học tập (hoạt động chủ đạo).

I. MỤC TIÊU

- Xác định được đặc điểm cơ bản của trẻ em trong bước chuyển (bước phát triển) từ giai đoạn có hoạt động vui chơi là hoạt động chủ đạo đến giai đoạn có hoạt động học tập là hoạt động chủ đạo.
- Liên hệ với thực tiễn dạy học ở lớp 1 hiện nay để hiểu rõ hơn về lí luận và thực tiễn dạy học ở lớp 1.
- Đề xuất biện pháp tổ chức dạy học ở lớp 1 (về nội dung, phương pháp, phương thức tổ chức và điều kiện).

II. PHƯƠNG PHÁP

- Thảo luận, tổng kết kinh nghiệm.
- Dự giờ, giải quyết tình huống sư phạm theo nhóm.

III. NỘI DUNG CHÍNH

1. Từ hoạt động vui chơi là hoạt động chủ đạo chuyển sang hoạt động học tập là chủ đạo

- * *Về hoạt động chủ đạo*: Đây là khái niệm thường được dùng trong tâm lí học, được các nhà chuyên môn vận dụng trong nghiên cứu và trong các hoạt động thực tiễn của mình. Theo A.H. Leônchep (nhà tâm lí học người Nga), thì hoạt động chủ đạo của con người có 3 biểu hiện chính như sau:
 - Hoạt động lần đầu tiên xuất hiện đích thực là nó (với đầy đủ các điểm đặc trưng của hoạt động).

- Bằng hoạt động chủ đạo, chủ thể hoạt động tạo ra cái mới trong tâm lí (nét tâm lí lần đầu tiên xuất hiện hoặc nét tâm lí có phẩm chất mới).
- Trong lòng của hoạt động này có manh nha (mầm mống) của hoạt động chủ đạo kế tiếp.

Cũng cần chú ý rằng trong mỗi giai đoạn phát triển của đời người thường có nhiều hoạt động và không phải hoạt động nào chiếm nhiều thời gian thì được coi là hoạt động chủ đạo mà chỉ có những biểu hiện nêu trên mới là hoạt động chủ đạo.

- * Tìm hiểu về hoạt động vui chơi và hoạt động học tập
- Quan sát, mô tả hoạt động vui chơi của trẻ em trước tuổi học qua một vài trò chơi cụ thể, ví dụ như trò chơi dân gian lưu truyền ở các địa phương, các trò chơi phổ biến dành cho trẻ em ở các trường mầm non, như trò chơi đóng vai chú bộ đội, trò chơi học tập...
- Quan sát một số tiết học đầu năm của học sinh lớp 1, theo dõi kĩ để có nhận xét của của mình về việc thực hiện hoạt động học của các em, phát hiện những điểm đặc trưng.
- Tìm ra một số điểm khác biệt đáng chú ý giữa hoạt động vui chơi và hoạt động học tập của trẻ em (giữa "chơi mà học", "học mà chơi").

2. Những khó khăn tâm lí mà trẻ thường gặp

- * Khó khăn bỡ ngỡ trong việc làm quen với việc tham gia một hoạt động mới đòi hỏi sự chú ý có chủ định, ghi nhớ có chủ định, sự nỗ lực của ý chí.

Trẻ thích thì chơi, không thích thì bỏ cuộc – nếu thích chơi thì trẻ có thể theo "luật lệ" một cách tự nhiên thoải mái, không bị ép buộc và kết quả là trẻ được thỏa mãn nhu cầu vui chơi.

Hoạt động học đòi hỏi ở trẻ em những điều phải tuân thủ có thể là tự giác và cũng có thể áp đặt – nếu trẻ em ham muốn học thì tốt, nếu không thích cũng cần tuân thủ theo yêu cầu và hướng dẫn của giáo viên. Trong dạy học giáo viên cần chú ý động viên khích lệ để nuôi dưỡng nhu cầu, hứng thú học tập của trẻ em.

* Những ngày đầu tới trường nhiều trẻ em chưa được chuẩn bị một cách khoa học, phù hợp quy luật. Thực tế cho thấy:

- Trẻ em chưa được học trước, chưa qua lớp mẫu giáo lớn, nhiều em chưa nói được tiếng Việt, chưa quen với môi trường có những điều mới lạ của lớp học, nơi có nhiều trẻ em đồng trang lứa nhưng còn xa lạ, nơi có những quy định mà trẻ chưa quen,... Trong quá trình học tập các em lại bị đánh giá không phù hợp, thường bị điểm số thấp chẳng khác gì "thất bại" ngay từ những ngày đầu tới trường, tác động tiêu cực đến tâm lí của trẻ: tự ti mặc cảm, không còn hứng thú học tập.

Ở nhà, các bậc cha mẹ thường hỏi điểm số của con em mình và họ không vui khi con trẻ bị điểm kém hoặc điểm chưa cao, từ đó họ có ý nghĩ sai lầm, cho rằng con mình kém coi so với con em những gia đình khác. Các bậc cha mẹ này tìm cách giúp con thoát ra khỏi tình trạng yếu kém này bằng cách bắt con học thêm khiến bầu không khí trong gia đình không vui, có những tác động tiêu cực đến tâm lí của trẻ.

- Những trẻ em được ("bị") gia đình cho học trước (hoặc là ở lớp mẫu giáo lớn hoặc là học với gia sư), nhiều em đã biết đọc biết viết, luôn được điểm cao cũng sẽ dần hình thành những nét tâm lí tiêu cực, như tính chủ quan, nhu cầu động cơ học tập thiếu lành mạnh, kiêu căng tự mãn dẫn đến chệnh mảng không còn hứng thú học tập, đánh giá lệch lạc về bản thân và về bạn bè (tự đánh giá cao về mình, coi mình giỏi giang hơn nhiều bạn trong lớp, dẫn đến coi thường, thậm chí xa lánh các bạn được điểm số thấp hơn).

Thực tế cho thấy, không phải trẻ em nào được học trước đều học khá, học giỏi trong cả quá trình từng lớp học, cấp học. Giáo sư Ngô Bảo Châu, năm 1978 vào học lớp 1 Trường Thực nghiệm Giảng Võ, Hà Nội, bắt đầu cũng chỉ là một trẻ em bình thường chưa biết đọc, chưa biết viết, chưa biết làm các phép tính. Rất nhiều trẻ em khác khi vào lớp 1, ngay từ ngày đầu đã biết đọc, biết viết, biết cộng, biết trừ, tỏ ra là học sinh xuất sắc (luôn được điểm 10) nhưng khi học lên các lớp trên cũng chỉ là những học sinh với kết quả học tập bình thường.

3. Biện pháp sư phạm giúp học sinh vượt qua những khó khăn tâm lí trong bước đầu thực hiện hoạt động học

- Chuẩn bị tâm lí sẵn sàng học tập cho trẻ em 5 tuổi: Những năm gần đây Bộ Giáo dục và Đào tạo có chủ trương phổ cập mẫu giáo 5 tuổi. Đây là một chủ trương đúng nhưng không thể thực hiện được ngay ở tất cả các địa phương mà cần được triển khai theo bước đi thích hợp và hướng vào mục tiêu cụ thể dành cho trẻ em ở độ tuổi này.

Việc chuẩn bị tâm lí cho trẻ em sẵn sàng vào học lớp 1 ở mẫu giáo lớn không như trẻ học lớp "vỡ lòng" trước đây (trước 1981). Lớp mẫu giáo lớn có mục tiêu cụ thể có tính khoa học hơn, cao hơn mục đích có tính thực dụng của lớp vỡ lòng trước đây. Ở một số quốc gia, trẻ em thuộc độ tuổi chuẩn bị vào lớp 1 được đưa vào trường tiểu học và được tổ chức dạy dỗ theo phương cách dành cho trẻ mẫu giáo lớn.

- Đào tạo bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu dạy học ở lớp 1, trong đó có yêu cầu về ngôn ngữ (nói và viết), yêu cầu về giao tiếp bằng lời nói và cử chỉ, yêu cầu về tình cảm và cả yêu cầu về ngoại hình. Những yêu cầu có tính đặc trưng này hiện nay ở Việt Nam ta vẫn chưa thực hiện được do những nguyên nhân khác nhau, trước hết là do nhận thức của ngành và của xã hội chưa được đầy đủ về "người thầy đầu tiên" của mỗi người, chưa nhận thức được đầy đủ về ý nghĩa của lớp 1 trong đời người, đồng thời cũng chưa có được điều kiện về kinh tế - xã hội.
- Về tổ chức hoạt động học tập cho trẻ em, trước hết là sĩ số học sinh trong mỗi lớp học, theo quy định khoảng 30 học sinh, lớp nhiều cũng không nên quá 40 học sinh nhưng nhiều nơi vẫn phải chấp nhận quá nhiều học sinh trong một lớp. Kế hoạch học tập và hoạt động dành cho học sinh (học 2 buổi/ngày) với nội dung và phương pháp thích hợp cũng nhiều nơi chưa thực hiện được.
- Về điều kiện cơ sở vật chất thiết bị nhiều nơi còn thiếu thốn, còn cần được tăng cường đầu tư để xây dựng được phòng học, bàn ghế, đồ dùng thiết bị học tập, thư viện, sân chơi bãi tập phù hợp với học sinh lớp 1.
- Cần tạo lập được môi trường giáo dục học đường (văn hoá học đường) phù hợp với trẻ em (trường học thân thiện, học sinh tích cực là một biểu hiện).

4. Đánh giá hoạt động học của học sinh lớp 1

Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh lớp 1 cần bám sát mục tiêu giáo dục và chuẩn kiến thức và kỹ năng dành cho lớp 1. Lớp 1 được nhiều người gọi là "Lớp học đầu đời". Lớp 1 có mục tiêu giáo dục khá đơn giản với một số chỉ tiêu chính như sau:

- Thực hiện hoạt động học đến cuối năm đạt:
- + Đọc: cuối năm học đọc trơn ít nhất 40 tiếng/phút.
- + Viết chính tả: cuối năm học viết ít nhất 30 – 40 tiếng/ 15 phút.
- + Làm phép tính cộng, trừ trong phạm vi 20 (trước 2002: trong phạm vi 10; từ năm 2002 đến nay: cộng trừ không có nhớ trong phạm vi 100).
- + Một số hành vi lối sống và kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi.

Khác với các lớp học phổ thông khác, lớp 1 có đầu vào rất phong phú, đa dạng, chỉ có điểm tương đối đồng nhất là độ tuổi. Sự đa dạng, khác biệt đó được thu hẹp lại trong quá trình học tập của các em, điều này được thể hiện ở Bảng 1. Nhìn vào Bảng 1 ta dễ dàng nhận thấy: trẻ em những ngày đầu lớp 1 có sự khác biệt lớn về tâm lý sẵn sàng tới trường, về vốn tiếng Việt, chỉ sau một thời gian học khoảng cách biệt đó được thu hẹp dần và đến cuối năm học lớp 1 mọi trẻ em sẽ cùng đạt hoặc vượt chuẩn quy định. Như vậy là việc dùng điểm số để đánh giá và phân biệt học sinh ngay từ đầu năm học là không phù hợp với cuộc sống của trẻ em và với khoa học sư phạm.

Bảng 1

| Đầu vào lớp 1 | Cuối kì I | Cuối năm (Đầu ra) |
|---|---|--|
| Phong phú, đa dạng 1. Trẻ bình thường: tâm sinh lý bình thường, được học qua mẫu giáo lớn nhưng không học trước theo kiểu "lớp 1 hoá". | Trẻ em có sự gần nhau hơn về việc thực hiện hoạt động học và kết quả học tập. | Mọi trẻ em có kết quả học tập đều đạt chuẩn trở lên. |

| Đầu vào lớp 1 | Cuối kì I | Cuối năm (Đầu ra) |
|---|---|-------------------|
| 2. Trẻ em có sự phát triển bình thường về tâm sinh lí nhưng không được qua lớp mẫu giáo 5 tuổi. | Có sự phát triển bình thường về việc thực hiện hoạt động học tập. | |
| 3. Trẻ em trong điều kiện khó khăn chưa được làm quen với tiếng Việt, chưa nói sõi tiếng phổ thông. | Có sự khác biệt (khó khăn) về việc thực hiện hoạt động học tập. | |
| 4. Trẻ em trong hoàn cảnh gia đình khó khăn. | Có khó khăn trong việc thực hiện hoạt động học tập. | |
| 5. Trẻ khuyết tật ở những dạng khác nhau. | Gặp khó khăn nhiều trong việc thực hiện hoạt động học tập. | |

Điều đáng chú ý là với trình độ phát triển của nghề dạy học như hiện nay thì mọi trẻ em bình thường đều có thể học lớp 1 đạt kết quả mà vẫn cảm thấy nhẹ nhàng tự nhiên, như Hồ Ngọc Đại nói: “Trẻ em nào cũng được học và đều học được” (*Ai cũng được học – Ai cũng học được*). Địa phương nào cũng chăm lo để trẻ em quê mình không em nào không được đến trường và không bỏ học, còn làm sao để trẻ em nào cũng học được (ít nhất đạt kết quả như chuẩn quy định) là cả một vấn đề lớn của khoa học sư phạm. Cũng chính công trình về dạy tiếng Việt của Hồ Ngọc Đại đã đưa ra được giải pháp khoa học để giúp trẻ em nào cũng học được. Đến năm học 2011– 2012 đã có gần 50.000 trẻ em thuộc các dân tộc thiểu số miền núi và trẻ em vùng sâu, vùng xa học theo phương án này và từng bước đạt kết quả chắc chắn, không có hiện tượng tái mù. Hiện nay, phương án dạy Tiếng Việt lớp 1 này đang dần được các trường tiểu học áp dụng.

Năm 1994, Bộ GD&ĐT có *Quy định về việc Đánh giá kết quả học tập của học sinh lớp 1*, xác định rõ:

Về nguyên tắc

- (1) Phù hợp với mục tiêu giáo dục cụ thể, theo định hướng kích lệ động viên, nâng đỡ trẻ em.
- (2) Kết hợp thỏa đáng giữa định lượng và định tính: đối với các môn học có logic tường minh như Tiếng Việt, Toán, Khoa học được đánh giá bằng thang điểm 10, các môn học còn lại và các hoạt động giáo dục đánh giá bằng định tính.
- (3) Không để lại dấu ấn tiêu cực trong tâm lý trẻ em.
- (4) Trong học kì I ở lớp 1 chưa dùng điểm số để đánh giá học sinh.

Thực hiện trong thực tiễn dạy học

Theo những nguyên tắc này và căn cứ vào chuẩn kiến thức và kỹ năng các môn học cũng như yêu cầu tối thiểu về các hoạt động giáo dục, việc đánh giá kết quả học tập của học sinh được hướng dẫn cụ thể cho từng môn học, từng hoạt động giáo dục ở từng lớp học.

Kết luận su phạm

- Đối với học sinh lớp 1, trong học kì I không nên dùng điểm số để đánh giá kết quả học tập của học sinh.
- Không nên cho trẻ em học trước chương trình lớp 1 (không nên lớp 1 hoá trẻ em mẫu giáo lớn).
- Không nên cho trẻ em vào học lớp 1 trước tuổi (trước 6 tuổi), kể cả những trẻ em tỏ ra thông minh, hiểu biết nhiều so với những trẻ em cùng trang lứa.

Đối với học sinh lớp 1, thành công lớn nhất, giá trị đích thực đối với mỗi trẻ em và cũng chính là đối với mỗi gia đình và toàn xã hội được hiện ra một cách tường minh qua các biểu hiện, như các em thích đến trường, thích học và từng bước có sự tiến bộ, đạt kết quả ít nhất như chuẩn kiến thức, kỹ năng và một số yêu cầu tối thiểu về hành vi, lối sống. Kết thúc lớp 1 là dấu mốc có tính lịch sử trong đời mỗi người, đó là sự kiện chuyển từ "mù chữ" đến "sáng chữ", mở ra chân trời mới cho mỗi trẻ em. Chính vì thế mà mỗi trường học, mỗi giáo viên cần tận dụng cơ hội có một không hai này để động viên, kích lệ trẻ em – mỗi trẻ em đạt chuẩn trở lên đều

đáng được khen thưởng, một phần thưởng đích đáng nhất, giá trị nhất của mỗi cuộc đời (trong một lớp, trong một trường có 100% học sinh được khen thưởng cũng không phải là nhiều mà là niềm hạnh phúc của mỗi trẻ em, mỗi gia đình, niềm vui hạnh phúc của giáo viên, nhà trường và toàn xã hội).

Cần ưu tiên đầu tư về giáo viên và các điều kiện tốt nhất cho lớp 1

Giữa những năm 90 của thế kỉ XX, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh có chủ trương đúng và có giá trị thực tiễn, ông yêu cầu tất cả các trường tiểu học trong tỉnh lựa chọn giáo viên dạy lớp 1 theo một số tiêu chí cụ thể, trong đó có hai tiêu chí như là điều kiện tối thiểu, đó là viết chữ đẹp và không nói ngọng. Gần đây Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội có một đề tài nghiên cứu rất thiết thực, sẽ rất có ích cho việc dạy và học ở lớp 1 nói riêng và cho giáo dục nói chung, đó là "Chống nói ngọng".

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Cá nhân tự đánh giá qua việc thực hiện các việc sau:

1. Trao đổi theo nhóm về thực trạng lớp 1 ở trường mình, địa phương mình, từ đó rút ra một số ý kiến nhận xét, đánh giá về cái được và cái chưa được trong việc dạy học ở lớp 1.
2. Từng cá nhân quan sát, tìm hiểu hoạt động dạy và học ở một vài lớp qua dự giờ thăm lớp, từ đó rút ra cái được và cái chưa được.
3. Đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng dạy học ở lớp 1 trong những năm tới ở trường mình, địa phương mình.

Hoạt động 3

NHẬN THỨC VỀ CÁC CẤP ĐỘ PHÁT TRIỂN TÂM LÍ
VÀ HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC

I. MỤC TIÊU

- Nhận thức được tính quy luật của sự hình thành và phát triển hoạt động học của học sinh tiểu học theo các cấp độ.
- Xác định biện pháp tổ chức hoạt động học tập cho học sinh tiểu học.

- Có ý thức hơn trong việc vận dụng thích hợp những điều thu nhận được vào dạy học và quản lí dạy học ở trường, lớp mình phụ trách.

II. PHƯƠNG PHÁP

- Khảo sát thực tiễn, quan sát, tổng kết kinh nghiệm.
- Thảo luận, giải quyết tình huống theo nhóm.

III. NỘI DUNG CHÍNH

1. Gia tốc phát triển của trẻ em

Trẻ em ở lứa tuổi học sinh tiểu học có sự phát triển nhanh về tâm sinh lí và đạt mức độ cao hơn so với trẻ em các thế hệ trước, cái thời mà mỗi chúng ta còn ở cùng độ tuổi, hiện tượng này được các nhà chuyên môn gọi là "gia tốc phát triển".

Gia tốc phát triển là khái niệm khoa học, đó là biểu hiện dễ nhận thấy ở trẻ em khi ta theo dõi quan sát hành vi của các em, đồng thời có sự hồi tưởng đối chiếu với hành vi của chính mình cách đây nhiều năm, khi còn ở độ tuổi tương đồng. Đó là những hành vi biểu hiện nhận thức của trẻ về thế giới tự nhiên, xã hội và con người, những hành vi thể hiện sự giao tiếp trong các mối quan hệ của trẻ với những người thân và trong cộng đồng, là kĩ năng ứng xử của trẻ em đối với môi trường, hoàn cảnh sống. Những biểu hiện này được người lớn gọi là sự thông minh của trẻ em, sự lớn khôn của trẻ em, cái mà vài chục năm trước đây ta không có được.

Nguyên nhân

- Từ môi trường xã hội và gia đình, đáng chú ý là các phương tiện thông tin tuyên truyền bằng nhiều loại hình dành cho cả trẻ em và người lớn đó có những nội dung, những hình ảnh kích thích nhu cầu, hứng thú, nhận thức của trẻ.
- Chính bản thân trẻ có sự phát triển do một số tác động từ chế độ ăn uống, sinh hoạt, các chất kích thích có trong lương thực, thực phẩm,...
- Tác động của môi trường tự nhiên, như sự ô nhiễm môi trường, bão từ, các chất phóng xạ có trong không khí,...

Những điểm vừa nêu dù muốn hay không cũng tác động đến mỗi trẻ em (nhiều ít có khác nhau), cả tác động tích cực và tác động tiêu cực, trong đó có tác động tạo gia tốc phát triển.

2. Quá trình phát triển của học sinh tiểu học

Trẻ em ở lứa tuổi học sinh tiểu học (từ 6 đến 11 – 12 tuổi) đang trong quá trình tăng trưởng, phát triển và hoàn thiện về cơ thể (về sinh lý), đang diễn ra quá trình phát triển tâm lý, hình thành nhân cách. Quá trình phát triển của học sinh tiểu học có thể phân thành 3 cấp độ xét theo trình độ hình thành hoạt động học với tư cách là hoạt động chủ đạo và đặc điểm tâm sinh lý từng độ tuổi. Các cấp độ đó ứng với các giai đoạn sau:

- * *Giai đoạn đầu – lớp 1* (trình độ 1) hoạt động học của trẻ em được mạnh nha từ tuổi mẫu giáo lớn, đến 6 tuổi bước vào lớp 1 thì hoạt động học của các em bắt đầu được hình thành, trình độ phát triển này có ý nghĩa đặc biệt trong đời người:
 - Lớp học "đầu đời" – "vạn sự khởi đầu nan" – lĩnh hội một phương pháp hành xử mới;
 - Mờ ra chân trời mới, khả năng mới do đến cuối lớp 1 trẻ em có khả năng mới: biết đọc, biết viết, biết làm phép tính cộng và trừ trong giới hạn về số, có một số hiểu biết và kĩ năng sống thiết yếu phù hợp với lứa tuổi;
 - Tạo lập hành trang ban đầu trên con đường học vấn. Những gì trẻ có được từ việc học một cách khoa học, theo mục tiêu và những chuẩn mực quy định sẽ theo mỗi em trong suốt cả cuộc đời (đọc, viết, tính nhẩm,...).

Một số điểm vừa nêu nói lên ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt của lớp học đầu đời đối với mỗi con người.

Trên thực tế, cấp tiểu học thời xưa chỉ thực hiện trong 4 năm nhưng trước khi vào lớp 1 trẻ phải học qua lớp "Vỡ lòng". Sau này khi không còn lớp vỡ lòng, trẻ 6 tuổi vào ngay lớp 1 với cấp tiểu học 5 năm thì việc học chữ ("Xoá nạn mù chữ") là vấn đề được ngành giáo dục và toàn dân quan tâm; luôn là vấn đề nổi cộm gây bức xúc nhiều người. Đó là những trường hợp nhiều trẻ em thất bại ngay từ năm học đầu tiên, nhiều trẻ em phải học 2 – 3 năm mới qua được lớp 1, hoặc những hiện tượng như

"sáng 6 chiều 1". Nguyên nhân có nhiều nhưng nguyên nhân chính vẫn thuộc về nhà trường, từ nội dung, phương pháp, điều kiện và đặc biệt là từ người thầy. Giữanhữngnăm90 của thế kỉ trước, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh có chủ trương ưu tiên chọn giáo viên dạy lớp 1 với một số tiêu chí, trong đó có tiêu chí chính là không nói ngọng và viết chữ đẹp.

Công trình nghiên cứu của Giáo sư Hồ Ngọc Đại trong nhiều năm đã đạt được một số thành tựu về khoa học giáo dục, thành tựu tiêu biểu nhất là "Công nghệ dạy Tiếng Việt lớp 1", nay đã trở thành một phương án của Bộ đang được chuyển giao dần đến nhiều trường học dành cho học sinh các dân tộc thiểu số, học sinh miền núi vùng sâu, vùng xa. Theo phương án này trẻ em, như Hồ Ngọc Đại cho biết, "học gì được nấy, học đến đâu chắc đến đấy", đến cuối năm lớp 1 học sinh đều ít nhất đạt chuẩn về đọc và viết, đáng chú ý là không còn hiện tượng tái mù chữ.

Hiện phương án dạy Tiếng Việt lớp 1 của Bộ GD&ĐT (từ công nghệ dạy Tiếng Việt 1 của Hồ Ngọc Đại) đang được triển khai ngày càng nhiều hơn, cho thấy trẻ em Việt Nam 6 tuổi học lớp 1 đều có thể học Tiếng Việt đạt kết quả.

* *Giai đoạn lớp 2 và lớp 3 (trình độ 2)*

Định hình hoạt động học (nắm được cách học) để lĩnh hội nhiều hơn kiến thức khoa học, những kĩ năng sống, theo đó là thái độ và cách ứng xử đúng. Giai đoạn này cách học trở thành công cụ để học sinh chiếm lĩnh (lĩnh hội) nội dung học tập, đồng thời qua việc lĩnh hội nội dung học tập, cách học của các em cũng được hoàn thiện hơn.

Lên lớp 2, học sinh đã biết đọc biết viết (đọc thông, viết thạo ở trình độ ban đầu), biết làm các phép tính cộng trừ, các bài toán đố đơn giản, một số hiểu biết về khoa học thường thức (về tự nhiên, xã hội và con người) và những kĩ năng sống phù hợp với lứa tuổi của các em.

Chương trình học tập dành cho học sinh lớp 2, lớp 3 còn đơn giản, gần gũi, các em lại đã sử dụng được ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) và phương pháp học tập tối thiểu như những công cụ cơ bản, thiết yếu nên trên thực tế hiện nay, lớp 2 và lớp 3 là các lớp học có phần nhẹ hơn các lớp khác ở cấp tiểu học.

* *Giai đoạn cuối cấp tiểu học – lớp 4 và lớp 5 (trình độ 3)*

Giai đoạn cuối cấp tiểu học, học sinh lĩnh hội nội dung học tập và các hoạt động giáo dục, hoàn thiện phương thức hoạt động học – tập theo mục tiêu giáo dục cụ thể của từng môn học, từng loại hình hoạt động giáo dục. Kết thúc cấp tiểu học, học sinh tối thiểu đều có thể đạt được mục tiêu cụ thể về học lực theo chuẩn kiến thức và kỹ năng các môn học, đạt được yêu cầu về kỹ năng sống và các hoạt động giáo dục khác, đồng thời đạt độ chín muồi về sinh lý để chuyển lên học cấp THCS với hoạt động chủ đạo mới, đó là hoạt động giao tiếp, còn hoạt động học tập vẫn là hoạt động đặc trưng như là hoạt động cơ bản của lứa tuổi học sinh THCS.

Cả cấp tiểu học, học sinh có hoạt động chủ đạo là hoạt động học – tập, là hoạt động lần đầu tiên xuất hiện ở con người với mục đích (khác với trò chơi học tập ở tuổi mẫu giáo lớn) tạo ra cái mới trong tâm lý học sinh, hoạt động mà trong lòng của nó có chứa mầm mống của hoạt động mới khác (hoạt động giao tiếp).

Nét mới trong tâm lý, đó là những nét tâm lý mới xuất hiện hoặc biểu hiện tâm lý đã có, còn ở dạng sơ khai nay được hiện rõ nét hoặc có sự tăng trưởng và tươi mới hơn về chất lượng, đó là sự gia tăng một cách có ý thức hơn về trạng thái tâm lý (chú ý có chủ định), hình thành phương pháp ghi nhớ có chủ định cùng với sự hình thành từng bước tư duy khoa học. Đồng thời, đến cuối cấp tiểu học, học sinh đã dần dần nhận thức được những giá trị về sự học, về cuộc sống của bản thân, gia đình, xã hội và tự nhiên, nói cách khác là các em dần dần nhận thức được giá trị của cá nhân và môi trường sinh sống, học tập. Đến cuối cấp tiểu học thì học sinh tuy vẫn coi giáo viên như một thần tượng nhưng người thầy không còn là thần tượng độc tôn trong các em như trước nữa (cũng là thuận theo logic phát triển).

Ở cấp tiểu học, học sinh có hoạt động chủ đạo là hoạt động học – tập, học và tập gắn với nhau bằng gạch nối "Học – Tập", chỉ ra rằng học và tập luôn đi đôi với nhau, vừa là mục đích vừa là phương tiện của nhau. Theo phương thức này thì học sinh học điều gì thì phải luyện tập để có kỹ

năng; quá trình luyện tập để có kĩ năng cũng chính là quá trình học. Chính vì thế mà nhiều nhà chuyên môn coi cấp tiểu học là cấp học của cách học, cấp học kĩ năng. Dạy học ở tiểu học tuy nội dung kiến thức không nhiều nhưng khó thành công vì cấp học này đậm đặc tính su phạm, đòi hỏi ở giáo viên tính chuyên nghiệp cao.

Hoạt động dạy (giảng dạy) của giáo viên và hoạt động học – tập của học sinh tiểu học diễn ra theo từng đơn vị thời gian su phạm (tiết học hay là tiết giảng dạy), trong đó những tiết học về kiến thức mới không nhiều vì mỗi kiến thức mới được học sinh tiếp nhận không dừng lại ở dạng lí thuyết, không chỉ yêu cầu học sinh diễn đạt sự hiểu biết điều mình học được bằng ngôn từ mà những hiểu biết đó cần đạt tới mức thao tác hoá, tự động hoá, nghĩa là trở thành kĩ năng, kĩ xảo. Theo lôgic đó học sinh đi từ kiến thức mới (gắn với ý thức) này đến kĩ năng tương ứng (đến đây ý thức sẽ lùi về phía sau) rồi lại từ đó đi tiếp tới kiến thức mới, kĩ năng mới theo lôgic phát triển của chương trình học. Điều này được nhà tâm lí học người Nga nêu thành luận điểm mà ông gọi là "vùng phát triển gần nhất".

Vùng phát triển gần nhất, một cách thực tiễn, có thể được hiểu đó là điều mà ở thời điểm này, ngay ngày hôm nay trẻ em chưa có, chưa đạt được nhưng với sự giúp đỡ của người lớn (thầy giáo) thì ngày mai trẻ đạt được. Ví dụ như buổi học ngày hôm nay trẻ chưa viết được chữ "a", nhưng được học viết theo hướng dẫn của giáo viên thì ngày mai trẻ biết viết con chữ a và vài ba ngày sau đó trẻ có kĩ năng viết con chữ này, rồi cứ như thế đến cuối lớp 1 trẻ viết được, đọc được.

Luận điểm về "vùng phát triển gần nhất" không chỉ được vận dụng ở Nga mà còn được các nhà chuyên môn ở Mỹ và một số nước khác quan tâm. Có thể nói rằng đây là luận điểm khoa học rất có ý nghĩa trong tiến trình phát triển của mỗi người nói riêng và đối với giáo dục, dạy học nói riêng. Sự học là kế thừa và phát triển kế tiếp, học sinh phải học qua lớp 1 đạt kết quả mới có thể học lên lớp 2... và học lớp 5 đạt kết quả mới có thể học lên lớp 6 và cứ nối tiếp như thế cho đến hết bậc phổ thông rồi mới có thể học lên bậc học cao hơn, trừ một số rất hiếm hoi đi những bước đi chủ yếu bằng con đường tự học.

3. Hoạt động học của học sinh

Hoạt động học (học – tập) là hoạt động chủ đạo của học sinh tiểu học và được nghiên cứu nhiều cũng như có thành tựu đáng tin cậy ở trong và ngoài nước.

Hoạt động học do học sinh tự thực hiện theo sự tổ chức dẫn dắt của giáo viên. Thông qua hoạt động học mỗi học sinh tự biến đổi bản thân mình theo hướng phát triển đạt mục tiêu giáo dục dành cho từng môn học, từng lớp học và cả cấp học.

Việc tổ chức hoạt động học cho học sinh được giáo viên thiết lập thành bài bản cụ thể theo truyền thống gọi là soạn giáo án, nay được gọi là thiết kế bài dạy. Điểm giống nhau và khác nhau giữa giáo án theo truyền thống (theo công nghệ 5 bước lên lớp được cải tiến) và thiết kế bài dạy theo tinh thần đổi mới, có thể chỉ ra một số điểm chung như sau:

- Điều cần xác định rõ mục đích – yêu cầu (mục tiêu) cụ thể của từng bài học, tiết học dành cho học sinh.
- Điều cần xác định cụ thể hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh.
- Điều cần xác định việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh và hướng dẫn các em tự học.

Mỗi tiết học dẫn dắt học sinh từng bước trên con đường phát triển. Các tiết học ở tiểu học có thể phân thành 3 loại, đó là:

- Tiết học hình thành cái mới (kiến thức mới lần đầu tiên trẻ tiếp cận và cần lĩnh hội), ví dụ như "phép tính cộng", mục đích của tiết học này là trẻ đầu năm lớp 1 lĩnh hội được thế nào là phép cộng – thao tác cộng 2 số (khái niệm cộng).
- Tiết luyện tập thường chiếm tỉ lệ nhiều hơn trong quá trình học tập của học sinh tiểu học, vì phải luyện tập nhiều thì mới có kỹ năng, ví dụ như sau tiết học hình thành khái niệm phép tính cộng nêu trên học sinh được thực hiện phép tính cộng trên nhiều vật liệu với số lượng trong phạm vi 10, lúc đầu học sinh thực hiện thao tác gộp 2 số đã cho rồi đếm hoặc thực hiện theo cách đếm tiếp, nhiều lần luyện tập như thế trẻ sẽ có kỹ

năng rồi đạt đến mức tự động hoá, như $2 + 3 = ?$ trẻ không cần thực hiện qua thao tác mà biết ngay được kết quả là 5 (thao tác nhẩm trong đầu diễn ra rất mau lẹ). Tính nhẩm mau lẹ trong giới hạn nhất định rất có ích cho cuộc sống bình thường của mỗi người.

- Việc vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học được diễn ra trong quá trình học sinh lĩnh hội kiến thức mới và trong quá trình luyện tập, đặc biệt là trong những tiết luyện tập tổng hợp.

Trong quá trình học tập nêu trên, đối với học sinh cái mới (kiến thức mới) lúc đầu là mục đích (mục tiêu) nhưng khi đã có kĩ năng thì nó đã trở thành phương tiện để phục vụ cho mục đích mới – lĩnh hội kiến thức mới.

4. Biện pháp sư phạm

- Việc phân công giáo viên phụ trách các lớp (chủ nhiệm lớp) ở trường tiểu học nên theo hướng chuyên môn hoá theo từng chu kì (khoảng 3 – 5 năm) theo lớp 1, lớp 2 và 3, lớp 4 và 5.
- Việc bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nên gắn với việc nghiên cứu, tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lí, chương trình học của học sinh, phương pháp dạy học và việc tự bồi dưỡng của từng giáo viên để nâng cao trình độ chuyên môn và sự hiểu biết rộng về khoa học và xã hội.
- Nên tạo điều kiện bố trí các lớp 1 có số lượng học sinh phù hợp với sĩ số khoảng 24 đến 30 học sinh/lớp, những lớp trên mỗi lớp có thể nhiều học sinh hơn nhưng cũng không nên quá 40 học sinh/lớp.
- Tạo điều kiện về cơ sở vật chất – thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học phù hợp với lứa tuổi học sinh, phù hợp với nội dung và phương pháp dạy học. Tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động vui chơi dành cho học sinh để các em được hưởng sự giáo dục toàn diện, phát triển phong phú, hài hoà, không bị quá tải.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Cá nhân tự đánh giá qua việc thực hiện các việc sau:

1. Thảo luận, tìm hiểu và trình bày quan niệm của mình về các cấp độ phát triển hoạt động học của học sinh tiểu học.

2. Nhận xét về lý thuyết và thực tiễn của hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh, trên cơ sở đó phát hiện những điểm tích cực và những điểm còn bất cập.
3. Đề xuất biện pháp tối ưu (có lợi) cho việc tổ chức dạy học và phân công giáo viên phụ trách lớp.

Hoạt động 4

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA GIÁO VIÊN VÀ GIẢI PHÁP SỬ DỤNG

I. MỤC TIÊU

- Xác định được nội dung và phương pháp dạy học cơ bản ở tiểu học.
- Phát hiện được một số điểm tích cực và những hạn chế về nội dung và phương pháp dạy học ở tiểu học.
- Biết thu nhận thông tin từ thực tiễn, phân tích, đánh giá việc dạy học của giáo viên và kết quả học tập của học sinh.

II. PHƯƠNG PHÁP

- Nghiên cứu tài liệu, trao đổi, thảo luận nhóm.
- Dự giờ thăm lớp, qua đó viết thu hoạch cá nhân.
- Thực hành, áp dụng kết quả học tập, bồi dưỡng vào thực tiễn dạy học.

III. NỘI DUNG CHÍNH

1. Giáo viên tiểu học

Giáo viên tiểu học có thể coi là nhà giáo "tổng thể", đại diện toàn quyền của nhà trường tổ chức quá trình phát triển của trẻ em, bởi lẽ họ là người:

- Chịu trách nhiệm giáo dục học sinh cả lớp 30 – 40 em (số lượng học sinh trong một lớp có thể nhiều hơn hoặc ít hơn). Có giáo viên dạy học sinh một lớp rồi dạy tiếp những lớp trên, có giáo viên dạy học sinh một lớp đến khi kết thúc năm học bàn giao cho giáo viên khác rồi tiếp nhận học sinh mới.
- Dạy hầu hết các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh lớp học mà mình được phân công. Hiện đã có nhiều trường có giáo viên

chuyên về ngoại ngữ, nghệ thuật, thể dục, thường họ không làm chủ nhiệm lớp nhưng cũng có chức năng, nhiệm vụ giáo dục học sinh như giáo viên chủ nhiệm lớp.

- Người có uy tín bậc nhất đối với học sinh, các em coi người thầy (cô) của mình như là khuôn mẫu, là "thần tượng".
- Mỗi giáo viên tiểu học đều có trách nhiệm giáo dục học sinh theo mục tiêu giáo dục toàn diện.
- Lao động sư phạm của giáo viên tiểu học là loại lao động phức hợp, tinh tế (cùng một lúc phải huy động tổng lực các năng lực sư phạm, tác động đến học sinh bằng cả nhân cách của mình).
- Giáo viên tiểu học cần được đào tạo công phu với tính chuyên nghiệp cao, vì ở tiểu học mỗi giáo viên có vai trò, vị trí như là người đại diện toàn quyền của nhà trường dạy dỗ giáo dục học sinh theo mục tiêu giáo dục, họ thường một mình một lớp dạy tất cả các môn học và tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động giáo dục. Giáo viên chuyên trách dạy các môn như Thể dục, Hát nhạc, Ngoại ngữ thì những giáo viên này cũng có chức năng, nhiệm vụ như một giáo viên tiểu học thực thụ.

2. Nghệ dạy học ở tiểu học

Nghề dạy học ở tiểu học là nghề sử dụng một công nghệ chuyên biệt, đó là Công nghệ dạy học. Công nghệ dạy học được thể hiện ở ba đặc điểm chính, hay nói cách khác là nghề dạy học đáp ứng được ba tiêu chí sau:

a. Được chủ động tổ chức từ nhà trường và mỗi giáo viên

Đó là lao động sư phạm được nhà trường và từng giáo viên tổ chức thực hiện một cách chủ động, có mục tiêu, kế hoạch xác định và diễn ra tuyến tính theo thời gian (từng tiết, từng buổi, từng tuần, từng học kì và từng năm học).

Hoạt động giảng dạy của giáo viên được tổ chức bài bản với quy trình chặt chẽ: đầu năm học giáo viên nhận sự phân công dạy một lớp cụ thể, họ biết được đầu vào: số lượng, trình độ học sinh, các điều kiện, đặc biệt là mục tiêu, chương trình học tập của học sinh trong cả năm học.

b. Được kiểm soát một cách khoa học

- Quản lí, đánh giá hoạt động giảng dạy của giáo viên: hồ sơ, sổ sách, giáo án, thực hiện chương trình, thực hiện giờ giấc trên lớp (việc thực hiện giờ giấc của giáo viên không chỉ nhà trường quản lí mà phụ huynh học sinh cũng có thể giám sát, nhận xét).
- Quản lí đánh giá hoạt động học của học sinh: kết quả học tập của học sinh tiểu học không chỉ bằng tư duy trừu tượng thầm kín trong đầu óc của các em mà được thể hiện một cách tường minh dưới dạng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (đọc, viết, tính toán) và qua hành vi cử chỉ, quan hệ giao tiếp với mọi người.

Kết quả học tập của học sinh được đánh giá bằng định lượng (điểm số) và định tính (nhận xét của giáo viên, của chính học sinh, của các bậc cha mẹ).

Kết quả học tập của học sinh được đánh giá thường xuyên qua từng tiết học, buổi học, đánh giá định kì và cuối năm học.

Kết quả học tập của học sinh không chỉ do giáo viên có thể đánh giá mà chính các em cũng tự đánh giá được (khi có sự hướng dẫn) và các bậc cha mẹ cũng có thể nhận biết qua kết quả đọc, viết, tính toán, qua kĩ năng sống và qua tinh thần, thái độ học tập của con em.

c. Được chuyển giao

Trường sư phạm đào tạo giáo viên tiểu học chính là nơi chuyển giao công nghệ dạy học, cho dù đó là công nghệ 5 bước lên lớp hay công nghệ mới (công nghệ theo Hồ Ngọc Đại) cũng như những đổi mới xuất phát từ những công nghệ đó. Tất cả đều đáp ứng nhu cầu:

- Chuyển giao từ thế hệ trước sang thế hệ sau.
- Chuyển giao từ giáo viên này sang giáo viên khác.
- Có thể trao đổi, học tập lẫn nhau.

Công nghệ dạy học, nhìn tổng thể, có thể diễn đạt như ở Bảng 1.

Trong Bảng 1, khối I (cột I) chỉ ra các yếu tố đầu vào cơ bản, bao gồm (I.1) là Con người với các nhân vật như 1.1. Học sinh – nhân vật trung

3. **Đổi mới phương pháp dạy học (dạy học phù hợp nội dung và đặc điểm tâm sinh lí học sinh)**

Quan niệm về đổi mới phương pháp: áp dụng phù hợp với nội dung (mục đích – yêu cầu), với điều kiện và đặc điểm tâm sinh lí học sinh.

Cấp tiểu học là cấp học của kĩ năng trên cơ sở có lí thuyết, mà phần lí thuyết lại nằm chủ yếu ở giáo viên, là tính lí thuyết ẩn chứa trong kĩ năng của học sinh, chỉ phần nào được học sinh ý thức và diễn ra được bằng ngôn ngữ. Chính vì thế mà phương pháp học tập chủ đạo, đặc trưng của học sinh tiểu học là Học – Tập, theo đó là phương pháp dạy của giáo viên: dạy trẻ kiến thức rồi hình thành kĩ năng, rồi sử dụng kĩ năng để học tập tiếp nhằm có kiến thức và kĩ năng mới, cũng chính là để lĩnh hội phương pháp học tập, để tập tìm tòi, khám phá cái mới.

* *Dạy trẻ học và tập, tập để học*

Quá trình học tập của học sinh được bắt đầu từ việc nhận thức nhiệm vụ học tập (việc học), nghĩa là biết được mục đích học (từng đơn vị nội dung), sau đó là quá trình thực hiện theo quy trình cụ thể nêu một cách đơn giản, quy trình đó là:

- Giáo viên làm mẫu hoặc hướng dẫn mẫu làm ra sản phẩm học tập (như đọc, viết, làm toán).
- Học sinh làm theo quy trình mẫu để có kết quả cụ thể như sản phẩm mẫu.
- Học sinh luyện tập bằng cách thực hiện việc khác theo quy trình mẫu để hình thành kĩ năng thực hiện việc học.
- Học sinh tự mình tìm cách thực hiện những việc học tương tự theo cách riêng (sáng tạo), nếu làm được sản phẩm đúng thì các em sẽ tự tin hơn, sẽ có tính độc lập và sáng tạo trong học tập, nếu không đúng thì thực hiện theo cách được giáo viên hướng dẫn để đảm bảo đạt yêu cầu tối thiểu.

Quy trình nêu trên thể hiện quá trình chuyển vào trong những hành động học tập bên ngoài, hay gọi là quá trình nhập tâm, sau đó học sinh lại chuyển ra ngoài dưới dạng những sản phẩm học tập để người khác có thể nhận biết được. Quá trình học tập và kết quả học tập của mỗi học sinh tiểu học thường là tường minh và là thật.

* *Kiểm soát, đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học*

Học sinh học được gì sẽ đọng lại bên trong trí óc và hiện hình ra ngoài (chuyển ra ngoài có thể thấy được, kiểm soát được ở những sản phẩm cụ thể: đọc, viết, làm toán,...).

Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học khá dễ dàng và tường minh, giáo viên có thể đánh giá thường xuyên, học sinh có thể tự đánh giá khi được giáo viên hướng dẫn, các bậc cha mẹ quan tâm và có trình độ nhất định cũng có thể kiểm tra kết quả học tập của con em mình. Chính vì vậy mà việc tổ chức các kì thi đối với học sinh tiểu học như thi tốt nghiệp đã được bỏ từ năm học 2002 – 2003.

* *Sự nhàm lẫn trong quá trình học tập kinh nghiệm*

Trong thực tiễn dạy học thường xảy ra tình trạng giáo viên áp dụng kiểu cách dạy học của giáo viên khác (kể cả trong phạm vi rộng hơn là giáo dục và quản lí giáo dục) một cách xơ cứng, máy móc không đem lại kết quả như mong muốn. Việc làm đó không phải là học tập kinh nghiệm mà theo dân dã có thể gọi là "bắt chước". Sự bắt chước và học tập kinh nghiệm trong giáo dục khác nhau về bản chất và có thể chỉ ra như ở Bảng 2. Có thể nhận diện về sự khác biệt đó qua một vài ví dụ sau.

Ví dụ: Việc áp dụng phương pháp tổ chức cho học sinh "Học theo nhóm" và "Sử dụng phiếu học tập". Do không được nghiên cứu thấu đáo cả về lí thuyết và thực tiễn đã đưa ra ứng dụng, tạo khó khăn cho giáo viên và học sinh, dẫn tới kết quả dạy và học cũng không được như ý định. Cụ thể:

- Do bị nhận xét, đánh giá xếp loại tiết dạy theo tinh thần "đổi mới" với tiêu chí là phải có phiếu học tập nên có nhiều trường ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa chưa có điện mà giáo viên phải ngồi viết dưới đèn dầu cho mỗi học sinh một "phiếu học tập" – có phiếu nhưng hiệu quả đem lại chẳng được bao nhiêu.

Bảng 2

| Bất chước | Học tập kinh nghiệm |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có sự nghiên cứu về cơ sở lí luận và thực tiễn của "kinh nghiệm, sáng kiến". - Làm theo (vận dụng) một cách rập khuôn, hình thức kiểu "thử và sai", thường không phù hợp với thực tế của trường mình. - Thiếu sáng tạo, thiếu hiệu quả, nhiều khi gây phiền hà, thất thiệt. | <ul style="list-style-type: none"> - Có sự nghiên cứu, chọn lọc trên cơ sở khoa học. - Vận dụng theo tiến trình từ thử nghiệm diện hẹp đến áp dụng trên diện rộng. - Đem lại kết quả tốt, có lợi ích, có kế thừa và phát triển. |

- Do hiểu một cách máy móc, coi đổi mới phương pháp dạy học là phải tổ chức cho học sinh học nhóm nên trong một số tiết dạy của giáo viên (thường là khi có người đến dự giờ thăm lớp) đã vận dụng một cách máy móc, cụ thể như khi dạy bài "Loài vật sống ở đâu" (Bài 27 *Tự nhiên và Xã hội 2*) giáo viên đã chia nhóm theo cách học sinh ngồi 2 bàn gần nhau các em bàn trước quay về phía sau tạo thành nhóm để cùng thảo luận và trả lời câu hỏi được giáo viên giao cho (mỗi nhóm 1 câu hỏi, hoặc là tìm loài vật sống trên mặt đất, hoặc là loài vật bay lượn trên không, hoặc là loài vật sống dưới nước được vẽ trên hai trang 56 và 57 sách *Tự nhiên và Xã hội 2*). Học sinh từng nhóm làm việc vui vẻ đến khi giáo viên yêu cầu mỗi nhóm cử một đại diện nói cho cả lớp nghe, trong khi các nhóm chưa kịp trình bày hết thì trống đã điểm, tiết học phải kết thúc. Thực tế cho thấy mỗi nhóm học sinh chỉ tìm hiểu được một phần của bài học, còn yêu cầu tối thiểu về kiến thức và kĩ năng của bài học vẫn nằm ở hai trang sách và trong giáo án của giáo viên.

Nhận thức về đổi mới phương pháp dạy học là một quá trình. Cho đến nay thì hầu hết giáo viên cũng nhận ra rằng việc vận dụng máy móc kiểu như vừa nêu là việc làm vừa khó không chỉ đối với học sinh mà cũng khó đối với cả giáo viên, quan trọng hơn là kém hiệu quả. Do vậy mà cách dạy kiểu như vừa nêu không còn được nhiều giáo viên áp dụng.

4. Giải pháp sư phạm

a. Xử lý các yếu tố đầu vào của công nghệ dạy học

Các cấp quản lý giáo dục và trường học tùy theo chức năng, nhiệm vụ và điều kiện của mình thực hiện việc rà soát, để nắm thực trạng đầu vào, trên cơ sở đó đề ra những việc cụ thể nhằm điều chỉnh, củng cố, bổ sung nâng cấp từng yếu tố đầu vào. Ví dụ như:

- Đầu vào từng lớp: ngoại trừ học sinh vào lớp 1 có chuẩn đầu vào là độ tuổi theo quy định còn các lớp khác thì đầu vào được nhà trường đánh giá theo chuẩn: chuẩn theo mục tiêu cụ thể của lớp mới kết thúc để chuyển lên lớp kế tiếp. Công việc này do nhà trường và mỗi giáo viên thực hiện bằng biện pháp sư phạm thích hợp. Ví dụ: Đầu năm học nhà trường khảo sát trình độ học sinh qua một vài môn học cốt yếu như Toán, Ngữ văn. Kết quả khảo sát không công bố cho học sinh, cũng không căn cứ vào đó để đánh giá lại kết quả năm học trước, mà chỉ cung cấp tư liệu cho giáo viên mới tiếp nhận học sinh. Cùng với việc làm này cũng cần có sự bàn giao học sinh giữa giáo viên cũ và giáo viên mới. Những việc làm này nhằm mục đích giúp cho giáo viên hiểu được học sinh.
- Giáo viên dạy mỗi lớp: Hiện nay giáo viên dạy tiểu học hầu hết đã đạt chuẩn đào tạo, nhiều giáo viên có trình độ cao hơn (cao đẳng, đại học) nhưng trình độ tay nghề (khả năng dạy học cụ thể) thì chưa hoàn toàn tương xứng. Giáo viên là yếu tố đầu vào không thể thay thế và giữ vai trò có tính quyết định sự thành bại của chương trình giáo dục cũng như chủ trương của ngành giáo dục, những giải pháp của Bộ và các biện pháp cụ thể của từng địa phương, từng trường.

Việc tự học, tự bồi dưỡng thường xuyên của mỗi giáo viên là biện pháp cơ bản của giáo dục các cấp.

- Về các bậc cha mẹ: Theo lẽ tự nhiên, trẻ em không được chọn cha mẹ (người sinh thành ra mình), nhà trường không được chọn các bậc phụ huynh học sinh. Các bậc cha mẹ cũng là chủ thể của nhà trường, tham gia cùng nhà trường giáo dục con em mình trong cơ chế phân công – hợp tác. Các bậc cha mẹ xác lập môi trường giáo dục gia đình và góp phần tạo dựng môi trường giáo dục nhà trường và xã hội. Các bậc cha mẹ có trình

độ dân trí khác nhau, quan niệm và phương pháp giáo dục con cái khác nhau, điều kiện kinh tế khác nhau. Những đặc điểm này là yếu tố tác động đến giáo dục con em như là một trong những yếu tố đầu vào nhưng nhà trường và ngành giáo dục chỉ có thể tác động một cách giới hạn.

Để phát huy được tiềm lực này, nhà trường cần tận dụng khả năng và điều kiện có thể để tuyên truyền, phổ biến về quan điểm, phương pháp, môi trường giáo dục nhằm tạo được sự đồng thuận về nhận thức và sự phối hợp hành động trong việc giáo dục học sinh. Nên hình thành câu lạc bộ các bậc cha mẹ chứ không chỉ dừng lại ở các cuộc họp phụ huynh học sinh theo thông lệ, hoạt động của câu lạc bộ nhà trường định hướng bài bản vào việc nâng cao dân trí về giáo dục.

- Chương trình học dành cho học sinh: Chương trình và SGK theo chuẩn kiến thức và kĩ năng do Bộ tổ chức xây dựng và quy định sử dụng dành cho học sinh cả nước. Việc xử lý yếu tố đầu vào này do Bộ đảm nhiệm là chính (như việc giám tải đang triển khai thực hiện chẳng hạn), tuy nhiên giáo viên, tùy theo điều kiện cụ thể có thể vận dụng một cách thiết thực, làm sao vẫn đảm bảo được chuẩn quy định mà lại phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện mình có.
- Cơ sở vật chất – thiết bị: Đến nay các trường tiểu học đang hướng tới xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và tiến tới mức độ 2, trong đó có tiêu chuẩn về cơ sở vật chất – thiết bị trường tiểu học với những tiêu chí cụ thể. Công việc này cần được nhà trường và địa phương có kế hoạch cụ thể và thực hiện theo bước đi hợp lí.
- Các điều kiện khác: Được coi như yếu tố đầu vào trong công nghệ dạy học là một số điều kiện khác có tác động gián tiếp dưới dạng hữu hình hoặc vô hình đến hoạt động dạy và học trong nhà trường nói riêng, đến chất lượng giáo dục nói chung, như tài chính, như môi trường tự nhiên và xã hội (xây dựng ba môi trường giáo dục lành mạnh: nhà trường, gia đình, xã hội).

b. Bồi dưỡng thường xuyên

Việc bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên cần được các cấp quản lí giáo dục tiểu học, nhà trường quan tâm chỉ đạo, quản lí và tạo điều kiện.

Điều quan trọng nhất là việc bồi dưỡng thường xuyên phải được từng giáo viên tự giác, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện kế hoạch của mình và phải được thực hiện thường xuyên theo phương châm "Học suốt đời".

c. Kiểm tra, đánh giá

Việc kiểm tra, đánh giá hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh cần được tiến hành thường xuyên và đánh giá một cách tường minh, theo các chuẩn mực quy định.

Đánh giá chất lượng giáo dục tiểu học và đánh giá về sự tin nhiệm, trình độ phát triển của trường tiểu học không khó khăn vì đây là cấp học mà mọi sự việc, mọi điều kiện đều tường minh và quá trình dạy học và giáo dục đều hiện ra khá rõ ràng, khá minh bạch.

Đánh giá chất lượng giáo dục tiểu học và trường tiểu học, trước hết do giáo viên và ban lãnh đạo, các tổ chức đoàn thể của trường và cả học sinh tham gia, đồng thời cũng cần có sự đánh giá của các cấp quản lý nhà trường, của phụ huynh học sinh và các lực lượng xã hội khác (cũng cần có sự đồng thuận trong đánh giá).

Đánh giá nhà trường về mọi mặt, mọi phương cách song đều hướng vào mục tiêu giáo dục – kết quả học tập (theo nghĩa rộng) của học sinh (việc đánh giá giáo viên và học sinh hiện đang có chuẩn nghề nghiệp giáo viên và quy định, đánh giá học sinh).

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Cá nhân tự đánh giá qua thực hiện các việc sau:

1. Khảo sát, tìm hiểu về một số biểu hiện của giáo viên và học sinh qua việc áp dụng kinh nghiệm theo hướng tích cực và tiêu cực.
2. Tìm hiểu việc quản lý của các cấp quản lý về hoạt động dạy của giáo viên.
3. Trao đổi, thảo luận nhóm về một kinh nghiệm của giáo viên hoặc cán bộ quản lý của trường mình hoặc của trường bạn.

Hoạt động 5

THỐNG NHẤT VỀ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

I. MỤC TIÊU

- **Thống nhất định hướng về đổi mới nội dung và phương pháp dạy học ở tiểu học.**
- **Xây dựng được tiêu chí đánh giá đổi mới dạy học ở tiểu học.**
- **Biết nhận định, đánh giá và lựa chọn phương pháp dạy học thích hợp với trường mình, lớp mình.**

II. PHƯƠNG PHÁP

- **Thảo luận nhóm.**
- **Khảo sát thực tiễn, giải quyết tình huống theo nhóm.**
- **Thực hành.**

III. NỘI DUNG CHÍNH

1. Về nội dung dạy học

Nội dung chương trình học tập của học sinh được quy định có tính pháp quy dành học sinh cả nước, được định rõ trong chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học, chương trình học các môn học và các hoạt động giáo dục – đó cũng chính là mục tiêu giáo dục cụ thể. Còn SGK và các tài liệu khác là tài liệu được cụ thể hoá theo phương pháp sư phạm của nội dung trên.

Trường tiểu học cho dù ở đô thị hay ở nông thôn, ở các trung tâm hay ở vùng sâu, vùng xa (các trường tư thục) cũng đều là nhà trường của nhà nước, đều có tính quốc gia (quốc học) – đều đảm bảo mục tiêu giáo dục được cụ thể hoá ở chương trình học được xây dựng theo chuẩn (yêu cầu tối thiểu – phần cứng của chương trình) dành cho học sinh. Để huy động, phát huy được sức sống của từng cơ sở trường học, trong chương trình học dành cho học sinh còn có phần mở rộng (phần mềm) – nội dung dành cho từng trường, từng địa phương được xử lý vận dụng phù hợp với điều kiện của nơi mình.

Đổi mới nội dung dạy học ở tiểu học, phần cơ bản do Bộ GS&ĐT xử lý và chỉ đạo thực hiện chung cho cả nước, như chương trình đã ban hành và mới đây là quy định về giám tải nội dung chương trình học dành cho học sinh, còn từng trường, từng giáo viên chỉ áp dụng và điều chỉnh trong phạm vi nhất định. Bộ đã có hướng dẫn tạo cho giáo viên có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và phát huy tính năng động sáng tạo trong dạy học.

2. Quan niệm về phương pháp dạy học và đổi mới phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học theo cách hiểu thông thường là cách thức tổ chức cho học sinh thực hiện hoạt động học nhằm lĩnh hội nội dung học tập: kiến thức, kĩ năng và thái độ qua từng đơn vị thời gian học tập (tiết học).

Trên phạm vi rộng, có thể tìm hiểu về phương pháp dạy học truyền thống theo quy trình 5 bước lên lớp (một số nhà chuyên môn coi phương pháp này là công nghệ dạy học cũ) và phương pháp công nghệ dạy học mới.

Phương pháp dạy học theo 5 bước lên lớp có lịch sử hình thành hàng trăm năm nay, qua từng giai đoạn phát triển có sự cải tiến, hoàn thiện nhưng về cơ bản vẫn theo quy trình 5 bước lên lớp:

- Ổn định tổ chức.
- Kiểm tra bài cũ.
- Giảng bài mới.
- Củng cố bài.
- Ra bài tập và dặn dò.

Theo logic hình thức thì quy trình này khá hợp lí và chặt chẽ, nhưng đó là quá trình dạy học, dẫn tới quá trình học tập của học sinh hướng chủ yếu vào người dạy (giáo viên) nên xuất hiện tình trạng "thầy đọc – trò chép", "thầy giảng – trò ghi nhớ" và đã có những cải tiến theo hướng "dạy học phát huy tính tích cực của học sinh", "dạy học hướng vào học sinh",...

Vài chục năm gần đây thế giới có nói đến công nghệ dạy học và ở Việt Nam cũng có công trình nghiên cứu về công nghệ giáo dục của Giáo sư Hồ Ngọc Đại, cốt lõi của công trình này là công nghệ dạy học được tác giả diễn đạt rất ngắn gọn bằng công thức $A \rightarrow a$, trong đó A là nội dung

học tập của học sinh (hay có thể gọi là CÁI = nội dung), → (mũi tên) là quá trình thầy tổ chức cho trò hoạt động (hay là thầy thiết kế – trò thi công hay có thể gọi là CÁCH = phương pháp), a (a nhỏ) là nội dung học tập được học sinh lĩnh hội.

Công trình này đã có thành tựu tiêu biểu rất có ý nghĩa, đó là công nghệ dạy Tiếng Việt lớp 1, đã được ứng dụng nhiều năm ở nhiều trường tiểu học thuộc các vùng miền của đất nước và hiện nay đã trở thành một phương án của Bộ và đang được sử dụng ngày càng nhiều hơn, mở ra khả năng (một giải pháp) giải quyết vấn đề dạy tiếng Việt (quốc ngữ) cho học sinh lớp 1.

- * Đối mới nội dung và phương pháp dạy học ở tiểu học là giải pháp bộ phận (thành phần) của giải pháp tổng thể đang được vận động theo hướng "Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục" theo Nghị quyết 11 của Đảng.

Nội dung và phương pháp dạy học được cụ thể hoá từ mục tiêu giáo dục được quy định trong Luật Giáo dục.

Nội dung dạy học ở tiểu học, phần cơ bản chủ yếu do Nhà nước (Bộ GD&ĐT) quy định chung, còn phương pháp dạy học về cơ bản cần thuận theo logic của nội dung và điều kiện thực tế (đặc điểm tâm sinh lý học sinh, cơ sở vật chất – thiết bị). Chính vì thế mà sau khi triển khai thực hiện việc đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông, từ năm 2002 đến cuối năm 2004, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã có Nghị quyết nêu rõ: "Kiến quyết giảm học lí nội dung chương trình học cho phù hợp tâm sinh lí học sinh cấp tiểu học và trung học cơ sở" (Nghị quyết 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX). Điều này cũng phù hợp với quyền học tập được quy định trong Luật Giáo dục, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của Nhà nước ta và Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em.

Thực hiện chủ trương giảm tải theo tinh thần Nghị quyết 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX, Bộ GD&ĐT đã có sự chỉ đạo khá hợp lí: cho giáo viên được điều chỉnh và xử lí giảm tải theo hướng dẫn. Dù sao thì cũng chỉ là biện pháp nhất thời, mỗi giáo viên không thể tự mình giải quyết "bài toán" giảm tải mà công việc này cần được các tác giả sách giáo khoa, cần được Bộ GD&ĐT xử lí chung cho cả nước (năm học 2012 – 2013, Bộ GD&ĐT đã có hướng dẫn cụ thể về giảm tải).

Xây dựng nội dung giáo dục là giải pháp bao gồm trong đó một số giải pháp bộ phận có mối quan hệ hữu cơ và thực hiện theo thứ tự trước sau, nối tiếp nhau. Có một số công việc chính như sau: (1) Xây dựng mục tiêu cụ thể và kế hoạch học tập dành cho học sinh từng lớp học và cả cấp học; (2) Xây dựng chuẩn kiến thức, kĩ năng từng môn học và yêu cầu tối thiểu về các hoạt động giáo dục; (3) Viết sách giáo khoa, tài liệu giáo dục. Điều cần đảm bảo là cấp tiểu học cả nước có mục tiêu chung, chuẩn kiến thức và kĩ năng các môn học, chương trình các môn học chung, trên cơ sở đó có vài ba bộ SGK để các trường lựa chọn.

Mỗi giải pháp được thiết kế cụ thể và được triển khai thực hiện qua một dự án, ví dụ như ba công việc chính nêu trên (ba giải pháp) có thể thực thi qua 3 hoặc 2 dự án (giải pháp 1 và 2 có thể cùng trong một dự án, còn giải pháp 3 cần một dự án riêng). Việc đổi mới chương trình và SGK cho giai đoạn sau năm 2015 do Bộ GD&ĐT chịu trách nhiệm chính nhưng mỗi giáo viên cũng cần quan tâm tìm hiểu và đóng góp ý kiến.

* Quan niệm về đổi mới phương pháp

Phương pháp dạy học phụ thuộc vào nội dung, điều kiện và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên. Đổi mới phương pháp dạy học là tổ chức dạy và học (sử dụng công nghệ) theo phương án tối ưu có thể chứ không phải là dạy khác trước một cách hình thức như việc sử dụng không hợp lí máy chiếu, phiếu học tập và học nhóm.

Việc đổi mới phương pháp dạy học cần chú ý một số điểm sau:

- Dạy học phải phù hợp với logic của nội dung học tập dành cho học sinh.
- Dạy học phải phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lí học sinh và điều kiện cụ thể.
- Dạy học phải chú ý đến mọi đối tượng học sinh và phải theo dõi, đánh giá được kết quả học tập của mỗi học sinh.

* Tiêu chí đánh giá về đổi mới phương pháp dạy học

Có thể xem xét đánh giá việc đổi mới dạy học ở tiểu học theo một số tiêu chí sau:

- a. Tổ chức hợp lí hoạt động học cho học sinh.

b. Học sinh tích cực thực hiện hoạt động học.

c. Mọi học sinh đều đạt kết quả học tập được giáo viên dự định trước trong bản thiết kế bài dạy (mục đích – yêu cầu hay là mục tiêu).

3. Thực hiện giảm tải nội dung chương trình học dành cho học sinh

Cuộc cải cách giáo dục (CCGD) lần thứ ba triển khai từ đầu những năm 80 của thế kỷ trước tập trung chủ yếu vào việc thay đổi chương trình và SGK, lúc đầu chỉ có hai môn (Toán, Tiếng Việt), về sau phải vừa điều chỉnh vừa bổ sung dần cho đến nửa cuối thập niên 90 mới đủ các môn học ở tiểu học (9 môn), và dẫn đến quá tải đối với học sinh. Năm 2000 phải tiến hành giảm tải, chương trình giảm tải mới được thực hiện trong 2 năm học (2000 – 2001 và 2001 – 2002), ngay sau đó, năm học 2002 – 2003 thực hiện chương trình đổi mới giáo dục. Một số chương trình và bộ sách giáo khoa khác nhau đều theo mục tiêu và yêu cầu cơ bản về kiến thức, kĩ năng thống nhất đã phải khép lại để thay vào đó một chương trình và sách giáo khoa đổi mới, thống nhất (được vận dụng là duy nhất). Chương trình – sách giáo khoa mới đã gây không ít khó khăn cho giáo viên và học sinh cả nước, nhiều nơi chất lượng sa sút vì nhiều lẽ, trong đó có sự quá tải.

Sau 2 năm thay sách, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ chín khoá IX đã có Nghị quyết khẳng định "Kiên quyết giảm hợp lí nội dung chương trình học cho phù hợp tâm, sinh lí học sinh cấp tiểu học và THCS". Nghị quyết của Đảng nêu thật ngắn gọn, súc tích chỉ rõ hai ý tưởng khoa học về các môn học dạy trong trường học, đó là bản thân các môn học (giảm hợp lí) và đặc điểm tâm, sinh lí học sinh. Ý Đảng hợp với lòng dân (học sinh, giáo viên, các bậc cha mẹ), cũng phù hợp với Luật Giáo dục, Luật Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em, phù hợp với Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em (trong các luật này đều quy định về một nền giáo dục trong đó có chương trình học phù hợp với trẻ em).

Giữa thập niên đầu của thế kỷ XXI, thực hiện Nghị quyết 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX ngành giáo dục đã thực hiện giảm tải bước đầu, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, học sinh vẫn chịu

sự quá tải, theo đó là giáo viên quá tải. Vào năm học 2011 – 2012, Bộ GD&ĐT chỉ đạo thực hiện quyết liệt hơn, cụ thể hơn việc giảm tải, chắc chắn còn tiếp tục thực hiện trong những năm tới để chương trình và SGK sát với chuẩn kiến thức và kĩ năng các môn học, đảm bảo tính khoa học và tính sư phạm, chuẩn bị chuyển sang thực hiện công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện sau năm 2015.

* Chuẩn bị của giáo viên cho từng tiết dạy (thiết kế bài dạy)

Thời kì hoàng kim của giáo dục (thập niên 60 của thế kỉ XX – với phong trào thi đua Hai tốt: Dạy tốt – Học tốt) các nhà giáo thường nhắc nhau: "chuẩn bị tốt là thành công một nửa". Sự chuẩn bị được thể hiện ở những việc chính như sau:

a. Nghiên cứu nội dung trong SGK, đối chiếu với chuẩn kiến thức và kĩ năng, tài liệu hướng dẫn...

b. Soạn bài (thiết kế bài) theo nội dung chính

– Xác định rõ mục đích – yêu cầu (mục tiêu) cụ thể của bài học.

Ví dụ 1: Bài "Nước cần cho sự sống" (bài 24 Khoa học 4, tr. 50 – 51, NXB Giáo dục, 2008). Tài liệu hướng dẫn *Mục học sinh cần đạt* về bài này có ghi: Nêu được vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt:

+ Nước giúp cơ thể hấp thu được những chất dinh dưỡng hoà tan lấy từ thức ăn và tạo thành các chất cần cho sự sống của sinh vật. Nước giúp thải các chất thừa, chất độc hại.

+ Nước sử dụng trong đời sống hàng ngày, trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.

Nếu giáo viên không hiểu thấu đáo nội dung, không xác định được mục đích – yêu cầu cụ thể, xác định giới hạn cần thiết thì sẽ khó cho học sinh, và trong trường hợp nếu có người dự giờ hoặc giáo viên thiếu kinh nghiệm sẽ mở rộng theo ý mình, như vậy sẽ quá tải đối với học sinh.

Nếu bám sát nội dung SGK, chuẩn kiến thức và kĩ năng sẽ có thể thiết kế bài giảng tường minh sáng sủa, thao tác chuẩn xác trong việc tổ chức, hướng dẫn học sinh lĩnh hội kiến thức và kĩ năng.

Mục đích – yêu cầu (mục tiêu): đã được chỉ ra trong tài liệu hướng dẫn như đã nêu ở trên, đó là sau tiết học học sinh hiểu được, nhớ được, liên hệ được trong phạm vi nhất định về:

- Nước giúp cơ thể sinh vật (động vật, thực vật) hấp thu những chất dinh dưỡng hoà tan lấy từ thức ăn tạo thành các chất cần cho sự sống của sinh vật, đồng thời giúp thải các chất thừa, chất độc hại.
- Nước sử dụng trong đời sống hàng ngày của mỗi cá thể, trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.
- + Xác định quy trình cụ thể tổ chức cho học sinh thực hiện hoạt động học, trong đó có sự gợi ý nêu vấn đề để học sinh tìm hiểu, thảo luận, có kết hợp cả sự giảng dạy của giáo viên.
- + Tổng kết đánh giá kết quả tiết học, hướng dẫn học sinh tự học, tự tìm hiểu một cách tự nhiên, nhẹ nhàng.

Ví dụ 2: Bài Tập đọc *Hạt gạo làng ta* của Trần Đăng Khoa (Tiếng Việt 5, tập 1, NXB Giáo dục, 2008, tr. 139), tài liệu hướng dẫn có ghi "Yêu cầu cần đạt" như sau:

- Biết đọc diễn cảm bài thơ với giọng nhẹ nhàng, tình cảm.
- Hiểu nội dung, ý nghĩa: Hạt gạo được làm nên từ công sức của nhiều người, là tấm lòng của hậu phương với tiền tuyến trong những năm chiến tranh (Trả lời được các câu hỏi trong SGK, thuộc lòng 2 – 3 khổ thơ).

Các câu hỏi đó là:

- + Đọc khổ thơ 1, em hiểu hạt gạo do ai làm ra?
- + Những hình ảnh nào nói lên nỗi vất vả của người nông dân?
- + Tuổi nhỏ thời chống Mĩ đã góp công góp sức như thế nào để làm ra hạt gạo?
- + Vì sao tác giả gọi hạt gạo là "hạt vàng"?
- + Học thuộc lòng bài thơ.

Những yêu cầu nêu trên (2 yêu cầu), đòi hỏi phải có sự vận dụng thích hợp với từng đối tượng học sinh, như yêu cầu thứ nhất đòi hỏi học

sinh "Biết đọc diễn cảm bài thơ với giọng nhẹ nhàng, tình cảm" thì chỉ phù hợp với những học sinh tương đối có năng khiếu hoặc những học sinh có sự phát triển bình thường về tư duy và ngôn ngữ, đối với những học sinh không có được sự thuận lợi thì chỉ đọc được bài thơ cũng là đạt yêu cầu.

Còn trong các câu hỏi (5 câu) có câu 1 yêu cầu qua khổ thơ 1 học sinh phải trả lời được "hạt gạo được làm nên từ những gì" thì quả là khó đối với các em. Đối với câu hỏi này giáo viên cần suy nghĩ, tự trả lời và có sự hướng dẫn và có sự diễn đạt lại câu hỏi cho dễ hiểu hơn, nếu không sẽ làm khó cho học sinh (và cho cả giáo viên).

Trên thực tế cho thấy, bài tập đọc *Hạt gạo làng ta* đối với học sinh nhiều trường ở miền Bắc các em chỉ cần khoảng 20 – 25 phút là đã thực hiện được các câu hỏi, đạt tốt yêu cầu đã xác định, nhưng đối với học sinh nhiều nơi ở các tỉnh phía Nam thì cần khoảng 2 tiết và nhiều học sinh vẫn cần tự học ở nhà thì mới đạt được yêu cầu.

* **Hướng xử lí nội dung dạy học**

Nội dung là cốt lõi của việc dạy học, chính vì thế mà mọi cuộc cải cách và đổi mới giáo dục của nước ta đều tập trung và xây dựng chương trình và SGK mới. Tuy chưa đầy đủ và có phần làm ngược quy trình nhưng nội dung dạy học là yếu tố tối thiểu và là yếu tố đầu vào trực tiếp của công nghệ dạy học (cả hai cách hiểu cũ và mới).

Hướng tới công cuộc "Đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục" trong giai đoạn sắp tới, trong đó có việc đổi mới nội dung, chương trình học tập dành cho học sinh cũng cần suy nghĩ, rút kinh nghiệm về cách làm giáo dục, trong đó có cách xây dựng chương trình và SGK. Riêng đối với cấp tiểu học, cấp học phổ cập bắt buộc, cấp học có tính nền móng của giáo dục phổ thông, việc xây dựng nội dung học tập dành cho học sinh, theo logic khoa học cần được tiến hành theo lộ trình dưới đây.

Bước 1: Cụ thể hoá mục tiêu giáo dục – Kế hoạch học tập

Mục tiêu chung về giáo dục tiểu học đã được ghi trong Luật Giáo dục nhưng để triển khai thực tiễn thì mục tiêu chung cần được cụ thể hoá

cho cả cấp học, cho từng lớp học, từng môn học, từng hoạt động giáo dục. Để cụ thể hoá mục tiêu ở cấp độ triển khai thực tiễn cần phải xây dựng được kế hoạch học tập dành cho học sinh từng lớp trong đó quy định có mấy môn học, mỗi môn học có bao nhiêu tiết/tuần, có các loại hình hoạt động nào và thời lượng bao nhiêu.

Bước 2: Xây dựng chuẩn kiến thức và kĩ năng

Chuẩn kiến thức và kĩ năng các môn học (có tính định lượng) cùng với yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục (thiên về định tính nhiều hơn) là quy định trình độ chung của từng lớp học và cả cấp học mà mỗi học sinh ở mọi vùng miền trên phạm vi cả nước cần đạt được (trình độ tối thiểu – phổ cập bắt buộc). Trên thực tế, thường có nhiều học sinh đạt mức độ cao hơn tùy theo điều kiện và hoàn cảnh riêng của mỗi em.

Hiện nay, ở cấp tiểu học đã có chuẩn nhưng do điều kiện và cách làm trước đây chưa được hợp lí nên đang có sự điều chỉnh giảm tải nội dung chương trình (đương nhiên có cả sự điều chỉnh nhất định về một số điểm chưa được xác thực về chuẩn – đây chỉ là giải pháp tình thế).

Bước 3: Xây dựng chương trình

Khi đã có chuẩn thì việc xây dựng chương trình học dành cho học sinh đã được định hướng rõ ràng. Nội dung chương trình cũng đã có sẵn trong kho tàng tri thức, văn hoá nhân loại và của quốc gia, đặc biệt là đã có các bộ chương trình và SGK cũ qua các thời kì ở trong nước và của nước ngoài.

Việc xây dựng chương trình học dành cho học sinh là công việc của Bộ GD&ĐT do Bộ trưởng chỉ huy, thành lập tổ chức và lựa chọn nhân sự thực hiện, tạo điều kiện để thực hiện.

Bước 4: Tổ chức biên soạn SGK

Khi đã có chuẩn, có chương trình và những bộ SGK cũ, SGK của một số nước ngoài (của những nước có nền giáo dục tiên tiến) thì việc tổ chức biên soạn SGK trở nên dễ dàng hơn. Công việc này có thể do một vài cơ sở giáo dục hoặc nhóm các nhà khoa học (khoa học cơ bản và khoa học giáo dục) thực hiện, do Bộ GD&ĐT xem xét chỉ định và tạo điều kiện.

SGK khi đã định hình cần đưa thử nghiệm tại một số cơ sở trường học được lựa chọn theo mẫu đại diện cho các vùng miền để tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện.

Việc thẩm định, lựa chọn các bộ SGK do Bộ trưởng quyết định (đương nhiên có các tổ chức và đội ngũ chuyên gia giúp việc). Vài ba bộ SGK đạt chuẩn được lựa chọn và được Bộ cho phép áp dụng sẽ được lưu hành để các cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng.

Tất cả những công việc trên được triển khai thực hiện theo quy trình khoa học, được giám sát chặt chẽ, tất cả có thể hoàn thành trong khoảng 3 – 4 năm, sau đó sẽ công bố rộng rãi và chuẩn bị những điều kiện tối thiểu để triển khai đại trà. Triển khai áp dụng chương trình và SGK mới là quá trình diễn ra trong khoảng 2 – 3 năm mới phủ kín tất cả các trường trên phạm vi cả nước. Chương trình và SGK mới sẽ sử dụng trong khoảng 10 – 15 năm, nếu có bổ sung chỉnh lí nhỏ thì cũng chỉ cần in tài liệu phụ bản chứ không in lại SGK và cần coi trọng nguyên tắc "nếu có thêm vào thì cũng phải có bớt đi" để tránh quá tải đối với học sinh.

* Vấn đề đào tạo bồi dưỡng giáo viên

Để thực hiện tốt việc giảng dạy theo chương trình giảm tải và chuẩn bị đón nhận chương trình mới sau năm 2015 thì đội ngũ giáo viên hiện có cần được bồi dưỡng và tự bồi dưỡng theo kế hoạch với nội dung chương trình thích hợp để nâng cao phẩm chất và năng lực của đội ngũ, đáp ứng được yêu cầu giảm tải, đồng thời có khả năng tự học, tự bồi dưỡng và được đào tạo thêm để đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện trong giai đoạn tới.

Việc đào tạo đội ngũ giáo viên mới cũng cần được nghiên cứu để chuẩn bị đội ngũ giáo viên bổ sung đủ về số lượng và chất lượng theo những yêu cầu đổi mới. Nhiệm vụ quan trọng và cấp bách hiện nay là đổi mới căn bản và toàn diện hệ thống các cơ sở sư phạm đào tạo giáo viên các cấp theo phương châm "Sư phạm đi trước một bước".

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Cá nhân tự đánh giá qua việc thực hiện các việc sau:

1. Dành thời gian thích hợp để nghiên cứu quán triệt tinh thần giám tải được quy định trong văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.
2. Khảo sát, đánh giá việc giảng dạy của giáo viên trong trường theo yêu cầu giám tải.
3. Đề xuất biện pháp thực hiện hoạt động dạy và học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Hoạt động 6

THỐNG NHẤT NHẬN THỨC VỀ CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC, CÁCH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ DẠY VÀ HỌC

I. MỤC TIÊU

- Có nhận thức đúng, quan niệm đúng về chất lượng dạy và học ở tiểu học (khái niệm chất lượng).
- Hiểu đúng tiêu chí, chuẩn đánh giá bài dạy của giáo viên và kết quả học tập của học sinh.
- Biết nhìn nhận, đánh giá thỏa đáng chất lượng dạy và học.

II. PHƯƠNG PHÁP

- Thảo luận nhóm.
- Tổng kết kinh nghiệm.
- Thực hành.

III. NỘI DUNG CHÍNH

1. Đánh giá hoạt động dạy của giáo viên

- * Đánh giá hoạt động dạy theo hình thức 5 bước là cách đánh giá quen thuộc, biểu hiện rõ nhất là định hướng đánh giá theo logic hình thức, như bài dạy phải đủ các bước lên lớp, phải diễn ra đầy đủ các việc theo quy định, ví dụ như "phiếu học tập", "thảo luận nhóm", ... Những người dự giờ đánh giá thường có tâm thế của người phán xét hay thiên lệch về việc "soi xét" những cái mình cho là chưa được chứ ít chú ý tìm kiếm điểm mạnh, tích cực của đồng nghiệp.

- * Đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên là cách thức mới nên việc thực hiện ở nhiều nơi còn lúng túng, chưa bám sát chuẩn do điều kiện thực hiện còn nhiều hạn chế.

2. Đánh giá hoạt động học của học sinh

- * Theo quy định của Bộ GD&ĐT, quá trình học tập của học sinh được đánh giá theo hai mặt: Hạnh kiểm và Học lực.

- Việc đánh giá hạnh kiểm của học sinh được căn cứ vào những nhận xét theo định tính là chính, tuy nhiên cũng có những căn cứ có tính định lượng qua hành vi, lối sống của học sinh. Nhìn chung, trẻ em ở lứa tuổi tiểu học thường hồn nhiên và chịu ảnh hưởng nhiều của sự giáo dục từ nhà trường, gia đình và xã hội, trong đó những tác động giáo dục tích cực chiếm ưu thế vì có sự chọn lọc và bảo vệ. Nhìn chung học sinh tiểu học có hành vi, lối sống lành mạnh, các em chỉ bị lệch chuẩn hành vi khi bị những tác động tiêu cực từ bên ngoài vì trẻ chưa có đủ bản lĩnh (sức đề kháng – bộ lọc) để đề kháng những tác động tiêu cực.

Điểm đáng chú ý là học sinh tiểu học dễ tiếp nhận, dễ bị ảnh hưởng của những tác động tích cực, vì vậy mà ở nước ta đã từ lâu có chủ trương xây dựng ba môi trường giáo dục lành mạnh: nhà trường, gia đình và xã hội.

- Việc đánh giá học lực của học sinh chủ yếu căn cứ vào kết quả học tập các môn học quy định trong chương trình. Trong đó có một số môn học có logic tường minh như Tiếng Việt, Toán, Khoa học được đánh giá bằng định lượng (dùng điểm số), có một số thuộc lĩnh vực nghệ thuật và kĩ năng sống thường khó lượng hoá nên được nhận xét, đánh giá bằng định tính.

Trong quá trình học sinh học tập, các em được đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì, nhưng dù theo cách nào thì kết quả học tập của học sinh cũng luôn được thể hiện rõ ràng, do vậy mà người khác có thể lượng hoá được hoặc cảm nhận được. Kết quả học tập của học sinh, chủ yếu do giáo viên nhận xét, đánh giá, nhưng chính học sinh với sự hướng dẫn của giáo viên cũng có thể tự đánh giá về mình và về bạn, các bậc cha mẹ cũng có thể nhận xét, đánh giá con em mình.

Hiện nay, ở tiểu học không còn xếp thứ bậc học sinh trong lớp, nhưng dù sao thì việc đánh giá hạnh kiểm và học lực của các em cũng cần rất thận trọng và quán triệt tinh thần của những nguyên tắc đã nêu ở hoạt động 2.

3. Đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng

Những năm gần đây, trong giáo dục tiểu học có áp dụng thử nghiệm phương pháp đánh giá ngoài, cũng là một trong những cách thức đánh giá công phu, phức tạp đối với giáo viên và nhà trường. Dù sao thì cũng mới thử nghiệm trên diện hẹp, tạo điều kiện để rút kinh nghiệm, để tìm kiếm phương pháp tương đối tối ưu đánh giá kết quả học tập của học sinh nói riêng và đánh giá nhà trường nói chung.

Từ cuối những năm 90 của thế kỉ XX đến nay, việc đánh giá trường tiểu học theo 5 tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia là cách thức đánh giá các điều kiện đảm bảo hoạt động giáo dục, các hoạt động giáo dục, dạy học và chất lượng giáo dục, chất lượng dạy và học. Cách đánh giá theo tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia cũng là một trong những phương pháp đánh giá tiên tiến. Các mặt đánh giá như: Tổ chức và quản lí, Đội ngũ giáo viên, Cơ sở vật chất – thiết bị, Xã hội hoá giáo dục, Hoạt động giáo dục – chất lượng và Hiệu quả giáo dục với 20 chỉ tiêu cụ thể, hầu hết các chỉ tiêu đều có thể đánh giá bằng định lượng.

Nhìn vào cấu trúc các tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia ta thấy được mối quan hệ biện chứng của các tiêu chuẩn tạo thành chỉnh thể đảm bảo chất lượng giáo dục của nhà trường. Tiêu chuẩn 1 đến tiêu chuẩn 4 có thể hiểu như là những điều kiện đảm bảo cho các hoạt động giáo dục, tiêu chuẩn 5 là mục đích cuối cùng.

Đánh giá 4 tiêu chuẩn đầu để rồi đánh giá tiêu chuẩn thứ năm – tiêu chuẩn cuối cùng – kết quả cuối cùng. Trong những điều kiện tương đối như nhau nhưng kết quả có thể khác nhau và trong cùng một trường đạt chuẩn thì đối với học sinh cũng có kết quả phân hoá học tập khác nhau, nhưng tối thiểu cũng đạt từ chuẩn trở lên (cũng có thể có một số ít không đạt chuẩn do gặp khó khăn riêng).

Xây dựng trường chuẩn quốc gia là bước phát triển mới của nhà trường tiểu học, đòi hỏi quá trình lâu dài và lộ trình cụ thể, các trường không dàn hàng ngang mà tùy điều kiện cụ thể của mình để triển khai theo những bước đi thích hợp. Tùy điều kiện cụ thể, có những trường tới đích trước, có những trường còn phải trải qua quá trình lâu dài. Đến nay đã có một số tỉnh có trên 90% số trường đạt chuẩn mức 1 (chuẩn ban hành năm 1996), có khá nhiều trường đạt chuẩn mức 2 (cao hơn, hoàn thiện hơn). Tuy tới đích vào thời điểm khác nhau nhưng không trường nào hạn chế trường nào, không có sự cạnh tranh không lành mạnh mà chỉ có sự thi đua, kích thích và hỗ trợ lẫn nhau.

Bảng 1

| Trường tiên tiến | Trường chuẩn quốc gia |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Được lựa chọn chỉ đạo xây dựng theo từng giai đoạn với nhiệm vụ trọng tâm được định hướng theo từng giai đoạn. - Đánh giá, lựa chọn theo định hướng, theo tiêu chí của từng giai đoạn với số lượng hạn chế (có sự so sánh và cạnh tranh giữa các trường). - Thường chưa đủ điều kiện đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện và phát triển bền vững. | <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng tự giác theo bài bản với những tiêu chuẩn và chỉ tiêu cụ thể, tương đối ổn định. - Đánh giá theo chuẩn, không hạn chế, không có sự cạnh tranh giữa các trường. - Có sự ổn định và phát triển bền vững, đảm bảo cho việc thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. |

Trường chuẩn quốc gia là nhà trường phát triển theo định hướng " Chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá", một trình độ phát triển của giai đoạn mới từ nửa cuối thập niên 90 của thế kỷ XX. Trường chuẩn quốc gia có sự khác biệt với trường tiên tiến của các giai đoạn trước đây, sự khác biệt đó được chỉ ra ở Bảng 1.

4. Giải pháp xây dựng trường chuẩn quốc gia

Hiện nay, ngành giáo dục đang tích cực chuẩn bị để tiến hành đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục. Để chuyển sang giai đoạn mới sau

năm 2015 thì ngay từ bây giờ cần thực hiện các giải pháp làm lành mạnh nền giáo dục. Một trong những giải pháp cơ bản là giải pháp xây dựng trường chuẩn quốc gia. Có thể thực hiện theo các bước sau.

Bước 1: Kiểm kê, đánh giá thực trạng theo tiêu chuẩn với các chỉ tiêu của trường chuẩn quốc gia cấp tiểu học thuộc từng huyện, từng tỉnh và cả nước.

Bước 2: Xây dựng kế hoạch cụ thể (dự án) phát triển từng trường theo chuẩn quốc gia theo mức độ 1 hoặc mức độ 2.

Xây dựng trường chuẩn quốc gia là giải pháp tổng thể đảm bảo cho sự ổn định và phát triển giáo dục tiểu học, cũng chính là bước chuẩn bị thiết thực cho công cuộc đổi mới giáo dục trong giai đoạn sắp tới. Việc làm này cần có chủ trương chung của các cấp quản lý, có sự đầu tư của Nhà nước và huy động các nguồn lực từ xã hội.

Hoạt động dạy và học ở tiểu học có thể coi là sự sống, là sức sống chính của giáo dục tiểu học theo triết lí "Dạy tốt – Học tốt". Để dạy tốt, học tốt thì các cấp quản lý giáo dục, nhà trường và mỗi giáo viên cần phải quan tâm đến công nghệ dạy học, trước hết là từng bước cải thiện chất lượng các yếu tố đầu vào (sơ đồ 1). Việc xử lý giám tải nội dung chương trình học đang triển khai thực hiện cũng là để cải thiện nội dung chương trình học dành cho học sinh. Tùy theo điều kiện, các yếu tố đầu vào và quá trình dạy và học cần có những biện pháp cụ thể để cải thiện. Làm được như vậy thì chắc chắn chất lượng giáo dục sẽ được nâng cao.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Cá nhân tự đánh giá qua việc thực hiện các việc sau:

1. Trình bày quan điểm của anh/chị về "chất lượng giáo dục" ở cấp tiểu học.
2. Thảo luận, bày tỏ quan niệm của mình về cách đánh giá kết quả học tập của học sinh và kết quả giảng dạy của giáo viên tiểu học đang được áp dụng ở các trường.
3. Đề xuất biện pháp tăng cường các điều kiện cho hoạt động giảng dạy của giáo viên và hoạt động học tập của học sinh.

Hoạt động 7

GIÁO VIÊN TIỂU HỌC VÀ NGHỀ DẠY HỌC Ở TIỂU HỌC

I. MỤC TIÊU

- Hiểu được quan niệm "dạy học ở tiểu học là một nghề", các thành tố chính của nghề dạy học ở tiểu học.
- Hiểu rõ được đặc điểm cơ bản của nghề dạy học ở tiểu học và tính đặc thù của việc đào tạo giáo viên tiểu học.
- Có ý thức hơn trong việc bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và trong quá trình hành nghề.

II. PHƯƠNG PHÁP

- Khảo sát thực tiễn, tổng kết kinh nghiệm.
- Trao đổi, thảo luận nhóm.
- Tự học, tự bồi dưỡng trong quá trình hành nghề.

III. NỘI DUNG CHÍNH

1. Giáo viên tiểu học

Người được đào tạo chuyên biệt ở trường sư phạm, tốt nghiệp và được nhà nước công nhận, giao nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh cấp tiểu học, được xã hội thừa nhận là nhà giáo dạy ở tiểu học hay là giáo viên tiểu học.

Giáo viên tiểu học có vị thế, chức năng – nhiệm vụ đặc biệt, là người dạy dỗ trẻ từ lớp đầu đời (lớp 1), dạy học ở cấp học nền tảng (nền móng) của giáo dục phổ thông. Giáo viên tiểu học hội tụ trong mình một số đặc điểm sau:

- Người đại diện toàn quyền của nhà trường đến với trẻ em – tổ chức quá trình phát triển của trẻ em bằng nhân cách của chính mình.
- Lao động sư phạm của giáo viên tiểu học là loại hình lao động phức hợp, tinh tế, cùng một lúc phải huy động tổng lực các năng lực sư phạm.
- Giáo viên tiểu học là người có uy tín vào bậc nhất đối với học sinh.

- Giáo viên tiểu học là người có ý nghĩa đặc biệt đối với xã hội, vì là người giữ vai trò chính, chịu trách nhiệm thực hiện mục tiêu giáo dục dành cho học sinh lớp mình phụ trách (thường là một giáo viên dạy một lớp), sự thành bại của giáo viên tiểu học không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến học sinh của lớp mình mà còn ảnh hưởng đến gia đình và xã hội.

Những đặc điểm nêu trên cũng chính là căn cứ để Nhà nước cho giáo viên tiểu học được hưởng phụ cấp ưu đãi cao hơn so với giáo viên các cấp học khác.

2. Nghề dạy học ở tiểu học

* *Nghề sở hữu công nghệ dạy học*

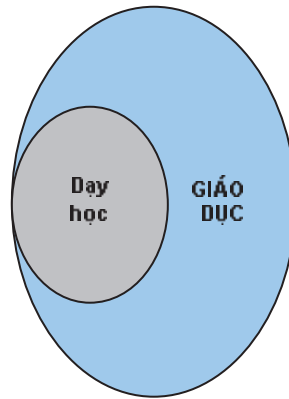
- Dạy học ở tiểu học là một nghề vì chỉ những ai được đào tạo chuyên biệt mới được hành nghề (được công nhận là nhà giáo dạy cấp tiểu học).
- Dạy học ở tiểu học là một nghề, vì giáo viên tiểu học sở hữu công nghệ dạy học để tổ chức quá trình phát triển của học sinh theo mục tiêu giáo dục (xem hoạt động 4).

* *Dạy học và giáo dục*

Dạy học ở tiểu học cũng chính là giáo dục học sinh. Theo quy định, mỗi giáo án (thiết kế bài dạy) của giáo viên đều phải xác định mục đích – yêu cầu (mục tiêu), trong đó có nêu cụ thể về 3 điểm:

- Về kiến thức.
- Về kĩ năng.
- Về thái độ (cách ứng xử tương ứng).

Để học sinh đạt được ba yêu cầu này, trước hết cần dạy các em học và trên cơ sở đó mà giáo dục các em. Giáo dục và dạy học có mối quan hệ biện chứng, qua lại "Giáo dục \Leftrightarrow Dạy học", trong đó giáo dục là phạm trù bao quát, trong đó gồm cả dạy học. Dạy học sinh học cũng luôn hướng tới mục tiêu giáo dục. Chính vì thế mà nhiều nhà chuyên môn thường nói là "Dạy chữ – dạy người". Về dạy học và giáo dục, có thể hình dung qua *Hình 1*.



Hình 1

* *Đặc điểm của cấp tiểu học*

Cấp tiểu học có một số đặc điểm chính như sau:

- **Đậm đặc tính sư phạm.**
- **Đậm đặc tính dân tộc.**
- **Nền móng của giáo dục.**

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Cá nhân tự đánh giá qua việc thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. **Tìm hiểu, thảo luận để xác định vị trí, nhiệm vụ của giáo viên tiểu học trong quá trình giảng dạy và giáo dục học sinh.**
2. **Thảo luận để nhận thức, đánh giá đúng về lao động sư phạm của giáo viên tiểu học.**
3. **Phân tích đặc điểm của nghề dạy học ở cấp tiểu học.**

Hoạt động 8

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ BỒI DƯỠNG MODULE

I. MỤC TIÊU

- **Biết đánh giá và tự đánh giá kết quả bồi dưỡng của cá nhân và nhóm.**
- **Ý thức được giá trị của hoạt động bồi dưỡng theo module cả về mặt tích cực và những điểm bất cập.**

II. PHƯƠNG PHÁP

- Tổng kết kinh nghiệm.
- Nghiên cứu tài liệu.
- Thảo luận nhóm.

III. NỘI DUNG CHÍNH

Cá nhân tự đánh giá qua việc thực hiện những nhiệm vụ sau:

1. Thảo luận đánh giá về tài liệu, cách tổ chức thực hiện việc bồi dưỡng thường xuyên lần này.
2. Đề xuất biện pháp thực hiện việc bồi dưỡng thường xuyên.



D. PHỤ LỤC

Một số tài liệu có liên quan để giáo viên tự học, tự nghiên cứu và thực hành, như "Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học"; "Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học các môn học"; các tài liệu khác như "Chuẩn kiến thức và kĩ năng các môn học", chương trình – SGK các môn học,... (do giáo viên và nhà trường tự sưu tầm).



E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Ngọc Đại, *Giải pháp phát triển giáo dục*, NXB Giáo dục, 2006.
2. Hồ Ngọc Đại, *Giáo dục tiểu học đầu thế kỉ XXI*, NXB Giáo dục, 2009.
3. Nguyễn Kế Hào, *Học sinh tiểu học và nghề dạy học ở bậc tiểu học*, NXB Giáo dục, 1992.
4. Nguyễn Kế Hào, *Giáo dục tiểu học thời nay*, Tạp chí Khoa học giáo dục, số 71 (tháng 8/2011).
5. Phó Đức Hoà – Ngô Quang Sơn, *Phương pháp và công nghệ dạy học trong môi trường su phạm tương tác*, NXB Đại học Sư phạm, 2011.
6. Vũ Quốc Chung – Trần Diên Hiển – Nguyễn Hữu Hợp – Đào Quang Trung, *Giáo viên tiểu học cần biết*, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Dự án Việt – Bỉ), 2001.